

NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ (Nguyễn Tuân)

1. Tác giả Nguyễn Tuân

- Nguyễn Tuân là nhà văn lớn, một nghệ sĩ suốt đời đi tìm cái đẹp.
- Ông có một vị trí quan trọng và đóng góp không nhỏ đối với văn học Việt Nam hiện đại: thúc đẩy thể tùy bút, bút kí văn học đạt tới trình độ nghệ thuật cao, làm phong phú thêm ngôn ngữ văn học dân tộc, đem đến cho nền văn xuôi hiện đại một phong cách tài hoa và độc đáo.

- Phong cách nghệ thuật

- Nét nổi bật trong phong cách Nguyễn Tuân là **chất tài hoa tài tử**. Mỗi nhân vật trong tác phẩm của ông đều là những nghệ sĩ trong nghề nghiệp của mình. Nguyễn Tuân tiếp cận thiên nhiên, sự vật, sự việc chủ yếu về phương diện văn hóa, thẩm mỹ; ông yêu những cảnh thiên nhiên hùng vĩ, những tính cách phi thường hoặc những phong cảnh thơ mộng, tinh tế. Sau Cách mạng tháng Tám, những nét chủ yếu trong phong cách Nguyễn Tuân vẫn được tiếp nối và phát huy. Ông tìm thấy chất tài hoa nghệ sĩ ở cả những con người bình thường, ở nhân dân lao động. Ông vẫn ca ngợi những con người tài hoa nghệ sĩ và để có cảm hứng với những gì đem đến cho ông những cảm giác mạnh.
- Nguyễn Tuân là một nhà **uyên bác**. Ông đem vào tác phẩm nhiều loại kiến thức. Đặc biệt, mỗi bài kí của ông là một công trình khảo cứu công phu, nghiêm túc. Sau Cách mạng tháng Tám, ông vẫn vận dụng những tri thức của các ngành văn hóa, nghệ thuật khác nhau để quan sát và mô tả hiện thực.
- Ông viết văn cầu kì **độc đáo**, cố tình khác người từ cách dùng từ, đặt câu đến đề tài, nhân vật, cốt truyện.

2. Tác phẩm

a. Hoàn cảnh sáng tác – Xuất xứ

- Tùy bút *Sông Đà* là thành quả nghệ thuật đẹp đẽ mà Nguyễn Tuân thu hoạch được trong chuyến đi gian khổ và đầy hào hứng tới miền Tây Bắc rộng lớn, xa xôi năm 1958.
- Với chuyến đi ấy, nhà văn không chỉ để thỏa mãn cái thú tìm đến những miền đất lạ mà chủ yếu là đi tìm chất vàng của thiên nhiên cùng “thứ vàng mười đã qua thử lửa” ở tâm hồn của những con người lao động và chiến đấu trên miền núi sông hùng vĩ và thơ mộng.
- *Người lái đò sông Đà* là bài tùy bút được in trong tập *Sông Đà* (1960) của Nguyễn Tuân, tất cả gồm 15 bài tùy bút.

b. Thể loại

- Thể loại tùy bút – thể văn xuôi với cách viết tự do, tùy hứng để bộc lộ những cảm xúc, suy nghĩ, nhận xét về con người và cuộc đời một cách chân thực, sâu sắc, đầy khám phá.
- Viết tùy bút, cái tôi của nhà văn có điều kiện bộc lộ trực tiếp. Trong tác phẩm này, dấu ấn tình cảm riêng của tác giả in rõ trong nhiều trang, nhiều đoạn. Không phải là tình cảm bộc lộ bất hòa với hiện thực mà là gắn bó, mê say với nhân dân và cuộc đời lao động bình thường.
- Qua tác phẩm, nhà văn thể hiện một trình độ hiểu biết cực kì sâu rộng và một tình yêu vô cùng tha thiết đối với thiên nhiên cũng như con người Việt Nam từ cội nguồn xa xưa, đến hiện tại ngày nay. Từ đó, ông cũng thể hiện khát vọng và tin tưởng ở tương lai muôn vàn hạnh phúc sáng tươi.

Đề: Hình tượng người lái đò sông Đà

I. Mở bài:

- Nguyễn Tuân là một trong những cây bút tiêu biểu của văn xuôi hiện đại Việt Nam. Mỗi tác phẩm của ông là một bài ca về cái đẹp của cuộc sống, con người với tình cảm gắn với quê hương, đất nước.
- “Người lái đò sông Đà” là thiên tùy bút thể hiện rõ nét phong cách đó.

- Thông qua việc miêu tả người lái đò trên sông Đà, tác giả ngợi ca những người lao động bình thường nhưng là một nghệ sĩ điêu luyện trong nghề nghiệp. Họ đóng góp một phần công sức nhỏ bé của mình vào quá trình xây dựng miền Tây Bắc Tổ quốc nói riêng, xây dựng đất nước nói chung.

II. Thân bài:

1. Giới thiệu chung

- “Người lái đò sông Đà” rút từ tập tùy bút “Sông Đà” của Nguyễn Tuân.

- Tác phẩm là kết quả của nhiều dịp ông đến với Tây Bắc trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, đặc biệt là kết quả của chuyến đi thực tế Tây Bắc năm 1958.

2. Phân tích:

a. Trước hết, ta thấy ông lái đò là một người lao động trí dũng, một nghệ sĩ tài hoa trong công việc

- Hoàn cảnh sống của người lái đò, chính là cuộc đấu tranh với thiên nhiên để giành sự sống từ tay nó về tay mình. Hàng ngày, người lái đò phải đối đầu với các kẻ thù trên sông nước như: vách đá, những cái hút nước, thác nước, đá sông ... chúng bày thạch trận như một trận đồ thiên la địa võng để thách đố và trấn áp tinh thần những người chiến sĩ làm nghề sông nước.

- Đây là một con người từng trải, hiểu biết thành thạo nghề lái đò và đã đạt đến trình độ “lấy mắt và nhớ tỉ mỉ những luồng nước của tất cả các con thác hiểm trở”. Trí nhớ tuyệt vời của ông lái đò về con sông Đà thật đáng khâm phục, ông thuộc lòng con sông Đà như thuộc một thiên trường ca, thuộc đến cả những dấu chấm than, chấm câu và cả những đoạn xuống dòng: “đã nắm chắc binh pháp của thần sông, thần đá. Ông đã thuộc quy luật phục kích của lũ đá nơi ải nước hiểm trở này”.

- Qua cảm quan nghệ thuật của Nguyễn Tuân, công việc vượt thác ghềnh sông Đà của ông lái đò trở thành một trận chiến. Và qua mỗi trận chiến như thế, người đọc nhận thấy được sự dũng cảm, mưu trí và điêu luyện trong công việc của người lái đò. Điều đó thể hiện rõ nhất qua những lần ông chỉ huy con thuyền vượt qua đoạn sông hiểm trở

*** Vòng vây thạch trận thứ I:**

- Đây là vòng vây được miêu tả nhiều nhất. “Sóng bọt đã trắng xóa cả một chân trời đá”. Bọn đá đưa thì “hất hàm” đưa thì “thách thức”, “mặt nước hò la ùa vào bẻ gãy cán chèo”, sóng nước “đá trái, thúc gối vào bụng vào hông thuyền”. Có những hòn đá được nhân hóa như những tên tướng giặc, phối hợp cùng sóng nước và đá như một đội quân đầy sát khí. Nhà văn đã sử dụng cả một hệ thống các từ ngữ ẩn dụ, liên tưởng độc đáo, khiến cho khúc sông trở nên chiến trường, có hai chiến tuyến rất rõ ràng, không khí trở nên căng thẳng, gay gắt.

- Đối diện với hiểm nguy trùng trùng, ông lái đò vẫn hiên ngang lao thẳng vào vòng vây kẻ thù để tìm đường tiến lên. Dù đã bị thương nhưng ông cố nén đau, “hai chân vẫn kẹp chặt cuống lái”, “mặt méo bệch” nhưng “tiếng chỉ huy vẫn ngắn gọn, tỉnh táo” → Đây là cuộc tỉ thí giữa hai đô vật quá chênh lệch về sức lực và thể võ, người lái đò chiến thắng ở sự bình tĩnh, gan dạ, dũng cảm quyết tâm cao.

*** Vòng vây thạch trận thứ II:**

- Dòng sông như một thực thể biết suy nghĩ, bày thêm nhiều cửa tử, và cửa sinh lại “lập lò ở phía tả ngạn con sông”. Chờ đón ông lái đò, là cả một “dòng thác hùng beo đang hồng hộc té mạnh trên sông đá” với “bốn năm bọn thủy quân của ải nước bên bờ trái liền xô ra định níu thuyền lôi vào tập đoàn cửa tử”.

- Vì nắm chắc binh pháp của thần sông, thần đá và thuộc quy luật phục kích của lũ đá, nên người lái đò thay đổi chiến thuật: “cưỡi lên thác sông Đà như cưỡi hổ”, chỗ “rào bơi”, chỗ “đề sán”, chỗ “chặt đôi ra” để mở đường tiến, “bám chắc lấy luồng nước đúng mà phóng nhanh vào cửa sinh” → Hàng loạt những động từ mạnh cho ta thấy người lái đò thông minh, chủ động, đầy kinh nghiệm, lén lướt con sông Đà.

*** Vòng vây thạch trận thứ III:**

- Sông Đà sắp đặt bên phải bên trái đều là luồng chết, luồng sống ở “ngay giữa bọn đá hậu vệ của con thác”. Đây là vòng vây nguy hiểm hơn cả.

- Người lái đò phóng thẳng thuyền chọc thẳng cửa giữa, vút, vút thuyền “như mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước” → Biện pháp nghệ thuật so sánh nhằm thể hiện trình độ lái đò đạt đến sự tài hoa nghệ thuật, người lái đò táo bạo, quyết liệt, lái đò nhanh và chính xác như tên bay khỏi nỏ cắm trúng đích đến.

b. Phong thái ung dung, bình dị:

Trước vòng vây thạch trận hung bạo, ông dũng cảm táo bạo vượt qua ba vòng thạch trận đầy khó khăn, nguy hiểm. Thế nhưng sau đó thì tất cả đều trở thành bình thường: “sóng thác xèo xèo trong trí nhớ”. chẳng ai bàn lời nào về những chiến thắng vừa qua mà họ chỉ nói về cá anh vũ, cá dầm xanh, ... Có lẽ vì cuộc sống thường nhật của họ phải đối diện với thiên nhiên khốc liệt nên với họ, tất cả đều “không có gì là hồi hộp đáng nhớ”. Họ thật khiêm nhường, cái phi thường đã trở thành cái bình thường, chất chiến sĩ hòa vào phong thái tài hoa, nghệ sĩ.

3. Nhận xét chung về nghệ thuật

- Ông lái đò được miêu tả như một người lao động dũng cảm lại vừa như một nghệ sĩ tài hoa của sông nước, rất mực điệu nghệ trong công việc của mình. Nguyễn Tuân đã tạo nên tình huống đầy thử thách để nhân vật bộc lộ rõ phẩm chất của mình. Để tô đậm nét tài hoa nghệ sĩ của ông lái đò, tác giả đã sử dụng một ngôn ngữ miêu tả đầy cá tính, giàu chất tạo hình, hoàn toàn phù hợp với đối tượng. Tác giả cũng đã sử dụng nhiều phép liên tưởng, so sánh độc đáo, thú vị; Từ ngữ sinh động, phong phú, có sức gợi cảm; Câu văn đa dạng, giàu nhịp điệu.

- Đằng sau những con người giản dị vô danh đó là cuộc đấu tranh chinh phục thiên nhiên dữ dội khiến họ trở nên kì vĩ, lớn lao. Họ đã chiến thắng trong cuộc chiến không cân sức với thiên nhiên nhờ kinh nghiệm, sự ngoan cường, ý chí quyết tâm. Tất cả những điều đó đã đưa họ đến thắng lợi huy hoàng, tô đậm cho khúc tráng ca về sự nghiệp lao động vinh quang của con người mới. Họ đúng là chất vàng mười của Tây Bắc mà tác giả dày công tìm kiếm.

III. Kết bài:

- Tác phẩm mang đậm phong cách nghệ thuật độc đáo của Nguyễn Tuân, ngôn ngữ phong phú, kiến thức uyên bác, cảm hứng trước những cảnh tượng gây cảm giác mãnh liệt, yêu những con người lao động bình thường nhưng mang đậm chất tài hoa, tài tử ...

- Hình ảnh người lái đò trong thiên tùy bút này không chỉ mang dáng dấp của một cá nhân cụ thể mà còn là hình ảnh nhân dân trong thời kỳ mới - thời kỳ xây dựng đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đề: Hình tượng con sông Đà

I. Mở bài:

- Nguyễn Tuân là một trong những cây bút tiêu biểu của văn xuôi hiện đại Việt Nam. Mỗi tác phẩm của ông là một bài ca về cái đẹp của cuộc sống, con người với tình cảm gắn với quê hương, đất nước.

- “Người lái đò sông Đà” là thiên tùy bút thể hiện rõ nét phong cách đó.

- Bên cạnh chủ đề chính là ca ngợi con người lao động trong thời đại mới, tác phẩm còn là áng văn khắc họa rất độc đáo hình ảnh của một dòng sông Đà biểu tượng của vùng Tây Bắc, vừa mang vẻ hung bạo dữ dội, vừa mang vẻ đẹp trữ tình.

II. Thân bài:

1. Giới thiệu chung

- “Người lái đò sông Đà” rút từ tập tùy bút “Sông Đà” của Nguyễn Tuân.

- Tác phẩm là kết quả của nhiều dịp ông đến với Tây Bắc trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, đặc biệt là kết quả của chuyến đi thực tế Tây Bắc năm 1958.

2. Phân tích

2.1. Tính cách hung bạo:

a. Quãng ghềnh thác

- Hung bạo ở chỗ đôi bờ xích gần nhau, làm cho lòng sông hẹp lại như cái yết hầu thắt giữa hai vách đá dựng đứng hiểm trở: Hẹp đến nỗi mà “lúc đứng ngo mới nhìn thấy ánh mặt trời”, có thể “nhẹ tay mà ném hòn đá qua bên kia vách”. Ở đây “con nai con hổ đã có lần vọt từ bờ này sang bờ kia”. Ấn tượng hơn nữa là việc “Ngồi trong khoang đò qua quãng ấy, đang mùa hè mà cũng thấy lạnh, cảm thấy mình như đang ở hè một cái ngõ mà ngóng vọng lên một khung cảnh cửa sổ nhà nào ở tầng nhà thứ mấy vừa tắt phụt đèn điện”.

- Nguyễn Tuân đã dùng thuật ngữ ngược sáng của điện ảnh để cảm nhận, tạo cho người đọc một ấn tượng về vẻ đẹp của sự hùng vĩ mà thiên nhiên Tây Bắc đã mang lại.

- Hung bạo ở cái dữ dằn của gió - nước: quãng mặt ghềnh Hát Loóng, dài hàng cây số, gió phối hợp với nước, với đá, với sóng tạo nên những cơn xoáy thật kinh hãi: “Nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm suốt tháng như lúc nào cũng đòi nợ xuýt”.

+ Nghệ thuật: sử dụng động từ mạnh, câu văn nhiều dấu phẩy liên tiếp tạo nên sự liệt kê trùng điệp của hành động “xô”: xô đá, xô sóng, xô gió... nhấn mạnh sự hung bạo, dữ tợn của dòng nước.

- Hung bạo hơn nữa là ở những cái hút nước giống như những cái giếng bê tông người ta thả xuống để chuẩn bị làm móng cầu: “Trên những cái hút nước ấy cũng đang quay lừ lừ những cánh quạt đàn”. Nước ở đó cứ “thờ và kêu như cửa cống cái bị sặc” có lúc lại nghe ròn rợn như tiếng “rót dầu sôi”. Sông Đà không khác gì một loài thú dữ đầy rãnh mãnh, chực chờ vồ lấy những chiếc thuyền mỏng manh. “Cho nên không một chiếc thuyền nào dám men gần cái hút nước ấy... Bè gỗ nghênh ngang qua đây vô ý là bị cái hút nước đó lôi tuột xuống, có chiếc thuyền bị nó giồng ngay cây chuối ngược rồi vụt biến đi, bị dìm dưới lòng sông đến mười phút sau, mới thấy tan xác ở khuỷnh sông dưới”.

+ Cách so sánh, ví von, mô tả của tác giả gây cảm giác rất mạnh làm cho người đọc như nghe thấy, nhìn thấy được tận mắt cái hung dữ của Sông Đà mà thót tim lại.

b. Nhưng con Sông Đà hung bạo nhất ở mấy chục con thác đá tạo thành các vòng vây thạch trận vô cùng hiểm trở:

- Trước hết là những âm thanh của tiếng thác gào rùng rợn, hoang dã: Con sông Đà đã trở thành một loại thủy quái vừa hung ác, vừa nham hiểm: “Tiếng nước thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo. Thế rồi nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu, rừng tre nứa nổ lửa, đang phá tuông rừng lửa, rừng lửa cùng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng”. Ở đoạn văn này, tác giả đã huy động rất nhiều biện pháp nghệ thuật như: nhân hóa, liên tưởng, so sánh, sử dụng động từ mạnh làm cho hình ảnh sông Đà thật ghê rợn như một nhân vật mang tâm địa hiểm ác với cái kiêu khôn khéo, ranh ma.

- Tiếp đến là sự hung bạo và dữ dằn của đá sông Đà, đó là những cửa tử đang mai phục ẩn nấp để gieo rắc kinh hoàng cho ông lái đò. Đá ở đây chia thành ba tuyến và năm cửa, bốn cửa tử và duy nhất chỉ một cửa sinh. Lòng sông thì trắng xóa làm nổi bật những tảng đá dàn bày thế trận, tảng nào, hòn nào, “trông cũng ngộ nghĩnh” và như những vị tướng “có vị trông oai phong lắm liệt”; “có vị thì như đang hát hàm bắt cái thuyền phải xưng tên xưng tuổi trước khi giao chiến”. Có vị “lại lùi một chút và thách thức cái thuyền có giỏi thì tiến gần vào”.

- Những tri thức về quân sự, về võ thuật, thể dục thể thao, điện ảnh... của tác giả được dịp ném ra để diễn tả sự độc ác, xảo quyệt hết sức nguy hiểm của con thác khi nó mai phục để đột nhiên nhô cả dãy vồ lấy con thuyền nơi khúc sông ngoặt, khi thì nó lại tỏ ra sơ hở để dụ con thuyền vào rồi bất ngờ quay lại đánh quật vu hồi. Khi đã giáp lá cà thì nó đâm thẳng vào hông ông lái đò, bẻ gãy cán chèo, rồi đá trái thúc gối vào bụng, giữ đủ đòn âm,

đòn tia, rồi túm lấy thắt lưng đòi lật ngửa bụng ông lái đò trên trận nước. Nó vừa đánh vừa reo hò la hét vang động cả một vùng sông nước hoang vu.

=>> Tính cách hung bạo của sông Đà cho thấy thiên nhiên Tây Bắc thật hùng vĩ, tráng lệ

2.2. Tính cách trữ tình

- Khi nhà văn **bay tạt ngang qua sông Đà**, từ trên cao nhìn xuống con sông, điều đầu tiên nhìn thấy là hình dáng như “*cái dây thừng ngoằn ngoèo*”. Sau đó là “*từng nét sông tãi ra trên đại dương đá lờ lờ bóng mây*” rất tinh tế và cuối cùng ngưng đọng lại trong hình ảnh “*sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân*”. Và những lần sau nữa, khi Nguyễn Tuân “*nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên sông Đà*” hoặc lúc “*xuyên qua đám mây mùa thu mà nhìn xuống dòng nước sông Đà*”, ông thấy dòng sông hiện lên như một mỹ nhân hiền dịu đầy xuân sắc với bao sắc màu biến đổi diệu kì: “*mùa xuân dòng xanh ngọc bích*”, “*mùa thu nước sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa*”. Con sông tươi đẹp, sinh động biết bao chứ không phải là con sông đen như “*thực dân Pháp đã đê ngửa con sông ta ra đổ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu*”.
- Lần sau, **khi đi xuyên rừng đến**, ông đã gọi sông Đà đến ba lần tiếng “*cố nhân*”. Nguyễn Tuân ấn tượng với cái màu loang loáng của mặt nước “*như trẻ con nghịch chiếu gương vào mắt mình rồi bỏ chạy*”; và ông bất chợt phát hiện trong cái lấp lánh ấy “*sáng lóe lên một màu nắng tháng ba Đường thi* “*Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu*”. Bờ bãi sông Đà rập rờn bay bao chuồn chuồn bướm bướm. Nhà văn vui sướng đắm say khi hội ngộ cùng con sông; nỗi niềm ấy được ông ví von như niềm vui khi thấy cái “*nắng giòn tan sau kì mưa dầm*”, “*như nói lại chiêm bao đứt quãng*” – cái nắng sưởi ấm tình cảm thân thương, gần gũi của tác giả trong cảm giác “*đầm đằm ấm ấm như gặp lại cố nhân*”.
- Một lần nữa **khi thuyền trôi ven bờ**, tác giả đã phát hiện được thêm bao nhiêu vẻ đẹp gợi cảm của con sông:
 - Gây ấn tượng đầu tiên với người nghệ sĩ là sự tĩnh lặng nhẹ nhàng: “*Hình như từ đời Lí đời Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi*”. Con sông bây giờ không hẳn chỉ là của hiện tại, nó trôi ngược về quá khứ xa xưa với sự so sánh, liên tưởng đầy bất ngờ của tác giả: “*Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa*”.
 - Ta có cảm giác tác giả đã nhập thân làm một với cỏ cây sông nước, như say sưa mê đắm với không gian nơi đây để cho hiện dần lên trước ống kính bao vẻ đẹp sinh động: đó là “*nuơng ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa*”, là “*cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp*”, là “*một đàn hươu cúi đầu ngón búp cỏ gianh đẫm sương đêm*”. Đằng sau những dáng vẻ, những thực thể, màu sắc ấy, người ta còn thấy một sức sống ngồn ngộn, tươi mới, trẻ trung đang ẩn nấp, đang ngăm sinh sôi, chuyển động.
 - Kì ảo hơn nữa là nhà văn đã nghe được tiếng nói của con hươu “*thơ ngộ ngẳng đầu nhưng khỏi áng cỏ sương*” cũng như dòng sông “*đang lắng nghe những giọng nói êm êm của người xuôi*”. Và từ hiện tại, ông mơ ước đến tương lai nghe một “*tiếng còi sương*” hoặc “*thèm được giật mình vì một tiếng còi xúp – lê của một chuyến xe lửa đầu tiên*” hòa nhập cùng dòng sông “*lững lờ như nhớ thương*”. Có thể nói tâm hồn nhà văn như võ cánh cùng ước mơ sông Đà đẹp tươi hơn trong ngày mới dựng xây. Càng về cuối bức tranh, sông Đà càng đẹp và sống động với “*áng cỏ sương*”, rồi “*đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi*” và “*tiếng cá đập nước sông đuổi mắt đàn hươu vọt biến*”. Cảnh thiên nhiên cứ mở rộng dần bằng vẻ đẹp vừa hiện thực vừa biến ảo trong cái nhìn đắm mình trong mơ mộng của nhà văn.

=> Nhà văn đã để cho dòng cảm xúc dào dạt thốt lên thành lời đối thoại im lặng với thiên nhiên, bờ bãi ven sông, dường như con người muốn hoà vào cùng cảnh vật, để chiêm ngưỡng vẻ đẹp đầy sức cuốn hút của dòng sông.

Ngòi bút nhà văn đến lúc này mới thật sự tung hoành trong sự say sưa khám phá cội nguồn, kể về lịch sử dòng sông gắn với cuộc sống và con người Tây Bắc, những người đã đón nhận những tặng vật hào phóng của sông Đà. Cảm xúc từ thực tại của Nguyễn Tuân còn khơi nguồn cho những mơ ước mang tính dự báo về tương lai, biến sức mạnh của dòng sông trái tính trái nết thành nguồn thủy điện dồi dào. Rõ ràng, thực tại cuộc sống mới đã giúp cho Nguyễn Tuân có những dự cảm chính xác, có niềm tin vững chắc vào những con người đang xây dựng một chế độ mới, đem lại sinh khí mới cho cuộc sống ở sông Đà.

3. Đánh giá chung (Hợp)

- Với ba khả năng tuyệt vời của mình (sự quan sát tinh tường, trí tưởng tượng phong phú và tư duy liên tưởng so sánh bất ngờ) kết hợp cùng việc sử dụng cấu trúc câu trùng điệp, phối hợp linh hoạt, đầy sáng tạo các biện pháp tu từ, tác giả đã làm nổi bật lên hình tượng sông Đà như một biểu tượng về sức mạnh dữ dội và vẻ đẹp hùng vĩ nhưng cũng đầy thơ mộng của thiên nhiên đất nước. Hình tượng thiên nhiên này cũng chính là phong nền cho sự xuất hiện và tôn vinh vẻ đẹp của người lao động trong giai đoạn mới.

- Qua đó, nhà văn cũng đã bộc lộ được sự tài hoa của mình khi liên tục sáng tạo nên những vẻ đẹp biến ảo khôn lường khiến người đọc phải ngạc nhiên, thán phục. Đó là sự tài hoa thiên bẩm cùng với nền tảng là một vốn kiến thức uyên bác về cả nghệ thuật lẫn cuộc đời; sự dày công quan sát, tìm hiểu đối tượng cần tiếp cận, khám phá cũng như tình cảm man mác mà sâu nặng, đắm thắm và giàu sức sống, đầy tươi trẻ dành cho Tổ quốc.

Phong cách Nguyễn Tuân thể hiện qua tác phẩm

- a. **Có cảm hứng đặc biệt đối với những hiện tượng gây ấn tượng mạnh mẽ, tác động dữ dội vào giác quan:** hành trình vượt thác ghềnh nguy hiểm của ông lái đò và tính cách hung bạo, dữ dằn của con sông.
- b. **Tiếp cận con người trên phương diện tài hoa nghệ sĩ và khám phá sự vật trên phương diện văn hóa thẩm mỹ:** ông lái đò không chỉ là một người lao động dũng cảm, giàu kinh nghiệm mà còn là một người nghệ sĩ tài hoa của sông nước; dòng sông bên cạnh sự hung dữ còn thể hiện nét đẹp thơ mộng trữ tình rất riêng.
- c. **Thể hiện sự tài hoa và uyên bác:** nhà văn đã vận dụng rất tài tình vốn kiến thức sâu rộng về địa lí, lịch sử, quân sự, võ thuật, điện ảnh, văn học để liên tục sáng tạo nên những vẻ đẹp biến ảo khôn lường của thiên nhiên và con người Tây Bắc khiến người đọc phải ngạc nhiên, thán phục.
- d. **Độc đáo:** sử dụng thể tùy bút pha chất bút kí với kết cấu phóng túng, câu văn dài hơi, cách dùng từ độc đáo in đậm cá tính sáng tạo của tác giả nên đằng sau bức tranh về thiên nhiên và con người Tây Bắc luôn hiện diện một cái tôi nghệ sĩ tài hoa với giác quan tinh nhạy và trí tưởng tượng dồi dào.

Đề: Phân tích hình tượng sông Đà hung bạo

I. Mở bài

Bước vào địa hạt văn chương Việt Nam, mỗi con sông đều mang một vẻ đẹp độc đáo, gắn liền với một phong cách nghệ thuật riêng biệt. Ta từng biết đến dòng Bạch Đằng hùng vĩ với “Bát ngát sóng kinh muôn dặm/ Thướt tha đuôi trĩ một màu” trong thơ Trương Hán Siêu. Ta cũng thấy một dòng sông Đuống “nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì” trong thơ Hoàng Cầm. Hay người đọc cũng từng nao lòng với dòng sông Hương thơ mộng lặng lẽ trong thơ Hàn Mặc Tử hay trong bút kí về xứ Huế của Hoàng Phủ Ngọc Tường. Song, nổi bật hơn cả phải kể đến dòng sông Đà trong tác phẩm “Người lái đò sông Đà” của nhà văn Nguyễn Tuân. Tác giả đã đưa người đọc đến với mảnh đất Tây Bắc để cảm nhận vẻ đẹp vừa hùng vĩ, dữ dội vừa thơ mộng, thi vị của con sông Đà. Có thể nói, hình tượng sông Đà đã in đậm dấu ấn sáng tạo của “cái tôi” tùy bút của Nguyễn Tuân.

II. Thân bài

1. Tổng

Tác phẩm “Người lái đò sông Đà” được in trong tập tùy bút “Sông Đà”, được tác giả sáng tác trong chuyến đi thực tế lên Tây Bắc vào năm 1958, không chỉ để thỏa mãn cái thú tìm đến những miền đất lạ thể thỏa niềm khát khao “xê dịch”, mà chủ yếu để tìm kiếm chất vàng trong vẻ đẹp hùng vĩ và thơ mộng của thiên nhiên Tây Bắc cùng “thứ vàng mười đã qua thử lửa” ở tâm hồn của những con người lao động và chiến đấu trên miền sông núi Tây Bắc. Tập “Sông Đà” và tùy bút “Người lái đò sông Đà” tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân: tài hoa, uyên bác, với cái nhìn sắc sảo, luôn phát hiện ra những điều mới lạ của sự vật và con người. Tập tùy bút cho người đọc thấy một nhà văn Nguyễn Tuân mới mẻ, gắn bó chan hòa với cuộc đời mới, hòa nhập vào cuộc sống lớn của nhân dân và đất nước.

2. Phân

Sông Đà là dòng sông trái tính trái nết, “chốc dịu dàng đấy, rồi chốc lại bản tính và gắt gỏng, thác lũ ngay đấy” hết sức dữ dội, hung bạo. Về vẻ hung bạo của con sông thì từ xa xưa, cha ông đã diễn tả bằng hình ảnh của Sơn Tinh, Thủy Tinh qua câu đồng dao: “Núi cao sông hãy còn dài/ Năm năm báo oán đời đời đánh ghen”. Nguyễn Tuân không dùng lối huyền thoại để nói về sông Đà mà dựng lên một bức tranh chân thật về những cảnh tượng hết sức hùng vĩ và dữ dội của con sông Đà để người đọc cảm nhận được đó chính là con sông “hàng năm và đời đời kiếp kiếp làm mình làm mẩy với con người Tây Bắc và phản ứng giận dữ vô tội vạ với người lái đò Sông Đà”. Ông đã tung ra biết bao chữ nghĩa đắt giá, biết bao thủ pháp có sức diễn tả mãnh liệt để quyết một phen thi tài với tạo hóa.

Sự trái tính, bất kham của dòng sông trước hết được thể hiện qua dòng chảy khác thường của nó: “Chúng thủy giai đông tẩu/ Đà giang độc bắc lưu” – mọi con sông đều chảy về phía đông, một mình sông Đà chảy theo hướng Bắc. Câu thơ của một nhà thơ xưa đã được Nguyễn Tuân dùng làm lời đề từ cho tác phẩm đã thu tóm được cái đặc điểm, tính cách của sông Đà. Sông Đà rất có cá tính như một con ngựa bất kham, bướng bỉnh ngay từ dòng chảy. Dường như nó không chịu tuân theo quy luật của mọi dòng sông mà tự tìm cho mình một dòng chảy riêng để thỏa sức vẫy vùng.

Thoạt tiên, với con mắt của một nhà điêu khắc, Nguyễn Tuân đã có những liên tưởng đầy mới lạ và bất ngờ: “cảnh đá bờ sông, dựng vách thành”. Bằng cách sử dụng từ “thành” – một danh từ chỉ một khối kiến trúc quân sự “thành cao hào sâu” thời cổ đại, Nguyễn Tuân đã làm bật lên sự vững chãi, đồ sộ, thâm nghiêm, bí ẩn của vách đá hai bên bờ sông. Ngoài ra, cách so sánh “có vách đá thành chẹt lòng sông Đà như một cái yết hầu” tạo được ấn tượng về sự nhỏ hẹp của lòng sông Đà. Vì vách đá thành chẹt lòng sông Đà như một cái yết hầu nên dòng chảy của con sông bị thu lại rất hẹp: hẹp đến

mức “đứng bên này bờ nhẹ tay ném hòn đá qua bên kia vách”, hẹp đến mức “có quăng con nai con hổ đã có lần vọt từ bờ này sang bờ kia”. Vì lòng sông hẹp, lại bị chẹt với những vách đá cao, dựng đứng nên mặt sông thật tăm tối, âm u: “mặt sông chỗ ấy chỉ lúc đúng ngọ mới có mặt trời”. Mượn hình ảnh mặt trời, nhà văn diễn tả độ cao hun hút, độ sâu thăm thẳm đến mức không có tin nắng nào có thể xiên ngang, xiên chéo qua vách đá sừng sững ấy mà lọt xuống lòng sông. Độ hẹp của lòng sông như được đẩy lên đến mức tuyệt đối.

Theo mạch ngầm liên tưởng đó, nhà văn tiếp tục tấn công vào giác quan của người đọc với phép biến hóa khôn lường, dùng thị giác, xúc giác để cảm nhận về cái thâm u của sông Đà, heo hút đến rợn ngợp: “đang mùa hè mà cũng thấy lạnh, cảm thấy mình như đứng ở hè của một cái ngõ mà ngóng vọng lên một khung cửa sổ nào trên cái tầng nhà thứ mấy vào vừa tắt phụt đèn điện. Cách so sánh bất ngờ, đầy thú vị ấy truyền cho người đọc hình dung về độ cao của những vách đá và cái tăm tối, lạnh lẽo đột ngột khi con thuyền đi từ ngoài vào khúc sông có đá hun hút dựng vách thành. Nguyễn Tuân không trực tiếp nói ra nhưng ai cũng hiểu rằng, ở những chỗ “đã chẹt lòng sông Đà như cái yết hầu”, lưu tốc của dòng sông rất mạnh, chảy xiết, nhất là vào mùa nước lũ. Đi vào những khúc sông như thế, có biết bao hiểm nguy đang rình rập.

Con sông cũng rất hung bạo ở quãng mặt ghềnh Hát Lóong dài hàng cây số, với cảnh “nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm”. Ở đây, một phần câu văn như bị chặt đứt ra thành nhiều khúc ngắn gọn, kết hợp với hình thức điệp từ, điệp cấu trúc và tăng tiến tạo nhịp điệu khẩn trương, dồn dập, gấp gáp đã tạo nên một bản hợp xướng hùng vĩ đang âm ập đổ sập lao tới. Câu chữ của Nguyễn Tuân dường như cũng cô đọng nhau trong cái âm hưởng cuộn trào của mạch chảy sông Đà. Con sông Đà ở quãng này, qua cách so sánh, nhân hóa của Nguyễn Tuân, hiện lên thật dữ dằn, hung hãn tựa như một kẻ chuyên đi đòi nợ, lúc nào cũng muốn uy hiếp, muốn tóm lấy bất cứ người lái đò nào đi qua.

Và đây nữa, ấn tượng về nỗi sợ hãi và chết chóc được khắc họa rất rõ qua hình ảnh những cái hút nước nằm rải rác trên sông ở quãng Tà Mường Vát phía dưới Sơn La: “Có những cái hút nước giống như cái giếng bê tông thả xuống sông để chuẩn bị làm móng cầu”, “Nước ở đây thở và kêu như cửa cống cái bị sặc”, “những cái giếng sâu nước ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào”. Với những hình ảnh so sánh và nhân hóa, nhà văn miêu tả những cái hút nước sâu, xoáy mạnh như những cái bẫy nguy hiểm, chết người. Với cách sử dụng từ láy tượng thanh “ặc ặc”, nhà văn đã khiến bạn đọc như được nghe thấy âm thanh quái lạ của cái hút nước này, tựa như một con thủy quái khổng lồ đang chực chờ nuốt chửng những con người lao động nhỏ bé vì miếng cơm manh áo mà phải đi qua nó.

Để khắc sâu ấn tượng về sức mạnh khủng khiếp của những cái hút nước, Nguyễn Tuân đã liên tưởng đến cảnh tượng “Có những thuyền đã bị cái hút nó hút xuống, thuyền trôi ngay cả chuối ngược rồi vụt biến đi, bị chìm và đi ngầm dưới lòng sông đến mười phút, sau mới thấy tan xác ở khuỷnh sông dưới”. Quả thật, cái hung bạo của sông Đà không chỉ ở trên mặt nước, mà ngay cả dòng chảy ngầm của nó cũng hết sức dữ dội. Song, thay vì nói về nỗi sợ hãi, Nguyễn Tuân, với lòng say mê cái đẹp và cảm giác mạnh, luôn khao khát truyền đạt những cảm giác, cảm xúc mới lạ đến cho độc giả, đã thay áo mới cho những rùng rợn bằng những liên tưởng độc đáo. Ông đã sử dụng kỹ thuật đặc tả của điện ảnh khi tưởng tượng một anh bạn quay phim táo tợn, dũng cảm ngồi vào thuyền thúng quay tít, những thước phim màu cũng quay tít, những thước phim màu cũng quay tít và cảm giác như cái giếng sâu bằng nước sông xanh ve ấy xơ tan ụp cả vào máy, vào người quay phim. Cái thước phim màu quay tít ấy đã gây cảm giác sợ hãi đặc biệt cho người đọc, tựa như lúc chúng ta ghì chặt mép ghế khi phải đối diện những cảnh quay hãi hùng trên màn chiếu. Chính ngôn từ, trang văn Nguyễn Tuân

đã gây áp lực lên hệ thần kinh bạn đọc, buộc người đọc phải tự mình chiêm nghiệm những cảm giác lạ lẫm như vậy.

Sông Đà còn hung bạo ở những thác đá. Chưa có con sông nào lắm thác nhiều ghềnh như sông Đà. Sự dữ dội của thác đá trước hết được thể hiện qua âm thanh của những thác nước nghe được từ xa: “Tiếng thác nước nghe như là oán thán gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng dằn mà chế nhạo. Thế rồi nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu rừng tre nứa nổ lửa, đang phá tuông rừng lửa, rừng lửa cùng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng”. Việc sử dụng những động từ mạnh: “phá tuông”, “gào thét”, “cháy bùng bùng” khiến tính chất hung bạo của con sông như hần lên, nổi lên thành hình, thành khối đang gào thét với muôn vàn thanh âm trong tâm trí bạn đọc. Cảnh vật như náo động qua hàng loạt các ngôn từ giàu tính gợi hình, đồng thời cũng thể hiện sự liên tưởng với lối chơi “ngông” trong cách nói của Nguyễn Tuân. Nhà văn dùng lửa để tả nước, dùng núi rừng để tả dòng sông, làm bật lên sự tương giao về sức mạnh của những hiện tượng tự nhiên. Tiếng thác nước sông Đà như được phóng đại ở mọi cung bậc, tựa như bản nhạc của thiên nhiên mà nhạc điệu bùng bùng ở đỉnh điểm của một đoạn hòa tấu đa thanh phức điệu đầy mạnh mẽ và hoang dại. Chúng va đập vào nhau mang đến cho người đọc nỗi hãi hùng khi phải chứng kiến một trận đại địa chấn xé toạc cả núi rừng hay một trận đại hồng thủy với những cơn sóng thần cao ngất.

Sông Đà còn hung bạo, nguy hiểm bởi hàng ngàn tảng đá to, đá nhỏ nằm khắp trên sông. Đến gần, nhà văn đã chứng kiến cả “chân trời đá” trên sông Đà. Qua nghệ thuật nhân hóa, những tảng đá, bãi đá ngàn đá nổi hiện lên tựa như những loài thủy quái hay hàng ngàn những quân tướng giặc hung dữ đang dàn bày thạch trận trên sông. Đám đá tảng đá hòn chia làm ba hàng chặn ngang trên sông, mai phục trong lòng sông, bố trí nhiều cửa tử, chỉ có một cửa sinh, chờ cơ hội để “vồ lấy cái thuyền”, “đòi ăn chết cái thuyền”. Những tên “giặc đá” nào cũng hung tợn, tên nào “trông cũng ngổ ngược”, “nhăn nhúm méo mó”, ngông ngạo láo xược, hất hàm kiếm chuyện với cái thuyền. Chúng được sông Đà giao nhiệm vụ riêng. Đám đá giữ vai trò tiền về ở hàng thứ nhất có nhiệm vụ dụ cái thuyền vào tuyến giữa để tấn công. Nếu con thuyền vẫn chọc thủng tuyến thứ hai này thì bạn đá ở tuyến ba đóng vai trò như những “boongke chìm” và “pháo đài nổi” phải có nhiệm vụ đánh tan có thuyền, tiêu diệt cái thuyền.

Phối hợp với bọn đá là sóng nước hung dữ. Sông Đà đặc biệt nguy hiểm, hung bạo khi hai đạo binh đá và nước “hợp đồng tác chiến” ở hàng mấy chục cái thác phía thượng lưu, chúng tạt nên sức mình hủy diệt ghê gớm. Bọn đá và sóng nước sông Đà rất nham hiểm, xảo quyệt. Chúng đã dùng đủ mưu kế để lừa người lái đò vào thế trận đã bày sẵn. Khi thì chúng mai phục trong lòng sông rồi đột nhiên nhổm cả dậy vồ lấy con thuyền nơi khúc ngoặt sông. Khi thì nó lại tỏ ra sơ hở để dụ con thuyền vào rồi bất ngờ quay lại đánh quật vu hồi. Có khi chúng xông vào đánh giáp lá cà với ông lái đò với đủ những đòn hiểm: đánh hồi lùng, đánh đòn tĩa, đòn âm. Chúng “ùa vào mà bẻ gãy cán chèo”, “vào sát nách mà đá trái mà thúc gối vào bụng và hông thuyền”, “bám lấy thuyền như đồ vật túm thắt lưng ông lái đò đòi lật ngửa mình ra giữa trận nước...”. Chúng vừa đánh vừa hò la vang động cả một vùng sông nước. Hình ảnh sóng thác sông Đà hiện lên chẳng khác nào một cuộc thủy chiến với người lái đò.

3. Nghệ thuật (phần hung bạo)

Trong những đoạn văn miêu tả cảnh dữ dội của ông Đà, nhà văn đã huy động vốn kiến thức hết sức phong phú, giàu có thuộc nhiều lĩnh vực: địa lý, điện ảnh, quân sự, võ thuật, thể thao như “thạch trận”, “đòn tĩa”, “đòn âm”, “hàng tiền vệ”, “boongke”, “pháo đài”... cùng hàng loạt hình ảnh so sánh, nhân hóa độc đáo, sáng tạo và rất nhiều động từ mạnh chỉ hành động của con người như “hất hàm”,

“hò la”, “bẻ gãy”, “thúc gối”, “túm”, “lật ngựa” ... Những yếu tố nghệ thuật ấy tạo nên một thức văn rất thiêng, in đậm cá tính sáng tạo của Nguyễn Tuân. Đó là thứ văn “nóng rẫy sự sống”. Đó là thứ văn rất động, gây cảm giác mạnh, đập vào giác quan người đọc.

Bằng thứ văn ấy, Nguyễn Tuân đã lay con sông vô tri vô thức dậy, truyền linh hồn, tưới sự sống, tạo nên hình thù, sắc diện, hành động, tinh cách cho từng tảng đá, con sóng trên sông Đà khiến hình tượng con sông hiện lên hết sức sinh động, để lại dấu ấn trong lòng bạn đọc qua hình ảnh một kẻ thù số một trong cuộc đấu trí và đấu lực với con người.

Hình tượng con sông Đà in đậm cá tính sáng tạo của nhà văn Nguyễn Tuân. Ngòi bút của ông đã hòa trộn giữa cảm xúc chủ quan của “cái tôi” tài hoa nghệ sĩ và vẻ đẹp khách quan của dòng sông để tái hiện lại một hình tượng Đà giang không phải là vô tri vô giác mà là một sinh thể, một “nhân vật” có hành động, có tính cách, và có một nội tâm phức tạp. Hình tượng sông Đà dưới ngòi bút tài hoa của “người nghệ sĩ” Nguyễn Tuân đã hiện lên với hai nét tính cách chính: hung bạo, dữ dội và thơ mộng, trữ tình. Lúc hung bạo, con sông Đà “mang một diện mạo và tâm địa của một thứ kẻ thù số một” của con người. Lúc trữ tình, dòng chảy ấy lại tràn đầy, sóng sánh chất thơ và thân thiết với con người như một “cố nhân”, xa thì nhớ nhưng, lưu luyến.

Kết bài

Tóm lại, với Nguyễn Tuân, sông Đà mang một vẻ đẹp hoàn mỹ, trở thành một sinh thể sống động, có hồn. Dòng sông vừa hùng vĩ dữ dội, vừa thơ mộng trữ tình. Phải là một con người yêu mến tự hào trước vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước, nhà văn mới có thể miêu tả được Sông Đà như thế. Có thể nói, qua lời văn ca ngợi sông nước Đà giang, ta thấy được sự gắn bó của Nguyễn Tuân đối với quê hương đất nước. Sông Đà đúng là thứ Vàng mười của thiên nhiên Tây Bắc mà nhà văn luôn khao khát kiếm tìm và thể hiện trong các sáng tác của mình.

HÌNH TƯỢNG SÔNG ĐÀ TRỮ TÌNH

I. Mở bài (như trên)

II. Thân bài

1. Tổng (như trên)

2. Phân. Sông Đà – dòng sông thơ mộng, trữ tình

Nếu như trên thượng nguồn, con sông Đà hung bạo, cuồng nộ, gây cảm giác sợ hãi với con người bao nhiêu thì đến khúc hạ lưu, sông Đà lại trở nên thi vị, nhẹ nhàng, trữ tình, làm say đắm lòng người bấy nhiêu. Bước vào tác phẩm, người đọc như chứng kiến một công trình khảo cứu công phu, một áng văn trữ tình nhưng mang đậm màu sắc thẩm mỹ. Nguyễn Tuân đã quan sát và miêu tả dòng sông từ nhiều góc độ, nhiều thời điểm khác nhau để phát hiện ra những vẻ đẹp phong phú của sông Đà. Ông ngắm dòng sông từ trên cao khi bay tạt ngang qua sông Đà trong nhiều thời điểm: trong mùa xuân, trong mùa thu. Có khi ông đi thuyền trên sông hay đi bộ băng rừng xuyên ra sông Đà.

Trước hết, với góc nhìn từ trên máy bay nhìn xuống, xuyên qua làn mây mùa xuân bay trên sông, Nguyễn Tuân đã quan sát, miêu tả hình dáng dòng chảy của con sông: “Con sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân”. Nhà văn đã ví von như thế, dòng sông nhẹ nhàng như nếp tóc người thiếu nữ, cứ mượt mà, bồng bềnh mà trôi đi. Nếu câu văn ở những đoạn miêu tả Sông Đà nơi thượng nguồn có tiết tấu gắt, mạnh, ngắn gọn, dồn dập thì đến đây, câu văn như được kéo ra, thư dãn rất mực êm ả, trải dài như chính dòng nước, rất giàu hình ảnh và chất thơ. Sông Đà mang vẻ đẹp huyền ảo, thơ mộng khi thấp thoáng ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc, trong làn khói

từ những núi Mèo đốt nương xuân, trong sắc hoa ban hoa gạo ở hai bên bờ sông – một hình ảnh đặc trưng đã đi vào trang thơ của nhiều nhà thơ:

“Nhưng sớm nay cuối xuân
Bốn đỏ bùng thân đuốc
Một cây gạo ven bờ
Cháy cả trời lẫn nước”

(Vói sông Đà – Vũ Quần Phương)

Như vậy, từ dòng sông hung bạo, dữ dội ở thượng nguồn, đến đây nó đã thay đổi dạng hình và tâm tính để trở thành dòng sông – thiếu nữ, dòng sông mang vẻ đẹp trữ tình, mềm mại, duyên dáng.

Nếu chỉ đơn thuần miêu tả dòng chảy con sông thì còn đâu một Nguyễn Tuân mà người ta vẫn thường ca ngợi là tài hoa, uyên bác? Ở đây, nhà văn cũng đã “xuyên qua đám mây mùa thu” mà quan sát màu nước sông Đà. Sắc nước sông Đà mang vẻ đẹp đa dạng, biến đổi kỳ ảo theo từng mùa: mùa xuân, “dòng xanh ngọc bích”. Đó là màu xanh trong như ngọc, chứ nước sông Đà không mang màu xanh lơ đục như “màu xanh canh hến” của sông Gâm, sông Lô. Mùa thu, “nước sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa”. Cách so sánh, ví von của Nguyễn Tuân nhằm miêu tả màu nước đỏ phù sa quen thuộc của con sông mỗi độ thu về. Nguyễn Tuân còn tự hào khẳng định rằng nước Đà giang chưa bao giờ có màu đen “như thực dân Pháp đã dè chừng con sông ra đổ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây lếu láo” là sông Đen. Có khi, mặt nước sông Đà trong sáng như chiếc gương lấp lánh ánh nắng, “lóa lên một màu nắng tháng ba Đường thi”. Dòng sông lúc này đẹp tựa những dòng sông trong Đường thi, tựa dòng Trường Giang trong cảnh tháng ma màu hóa khói trong thơ Lý Bạch: “Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu”. Hình ảnh chuồn chuồn bươm bươm nơi sông Đà khiến con sông trở nên ấm áp, gần gũi, đầy chất thơ. Sông Đà không còn “mang diện mạo và tâm địa một thứ kẻ thù số một” của con người nữa mà trong cảm nhận của Nguyễn Tuân, con sông lúc này như “một cố nhân”, một người bạn thân quen xưa cũ, xa thì lưu luyến nhớ nhung còn gặp lại thì có cảm giác “đằm đằm ấm ấm” khiến tác giả “vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm”, “vui như nổi lại chiêm bao đứt quãng”.

Sông Đà cũng thật đẹp, thật gợi cảm ở cảnh sắc hai bên bờ sông: “Thuyền tôi trôi trên sông Đà. Cảnh ven sông ở đây lặng tờ”, “cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp. Một đàn hươu cúi đầu ngốn búp cỏ gianh đẫm sương đêm. Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa”. Những thanh bằng trong câu văn đầu tiên: “Thuyền tôi trôi trên sông Đà” kết hợp với hình thức điệp ngữ “lặng tờ”, “thuyền tôi trôi”, điệp cấu trúc “Bờ sông... như...” theo kiểu trùng điệp rất đặc thù của thơ tạo nên một giọng văn nhẹ nhàng, êm ả như ru hồn người. Bằng những hình ảnh thật gợi cảm, giàu chất thơ, chất họa, nhà văn đã dẫn người đọc vào một cõi sông Đà nơi hạ lưu thật đẹp, thật yên ả, nên thơ, vắng lặng, nguyên sơ như thời tiền sử. Khung cảnh nơi đây dường như chưa từng đổi thay từ thuở khai thiên lập địa tới giờ. Cách so sánh của Nguyễn Tuân không phải để cụ thể hóa mà là để trừu tượng hóa, thơ mộng hóa cảnh vật, làm cho dòng sông như thêm trôi xa vào thế giới của cổ tích, của quá khứ xa xôi với vẻ lặng tờ, hoang dại, êm ả, nên thơ. Không gian trữ tình, thơ mộng khiến con người như đang chìm vào trong mộng, bỗng thềm nghe một tiếng còi xe lửa của cuộc sống con người. Không gian tĩnh lặng đến độ người ta có thể nghe thấy tiếng cá đập nước trên sông làm đàn hươu phải giật mình và ông khách sông Đà cũng chợt tỉnh mộng để quay về thực tại.

Trở về với thực tại, lênhên trên dòng nước xanh ngọc đẹp đẽ, phẳng lặng, nhà thơ có sự đồng điệu trong cảm xúc về sông Đà như Tản Đà khi trước: “Dải sông đà bọt nước lênhên – Bao nhiêu cảnh bất nhiều tình”. Sông Đà thơ mộng, tình tứ, gợi lên trong lòng người cảm giác dòng sông như

“một người tình nhân chưa quen biết”, vừa mới lạ, vừa thân quen, xa thì lưu luyến nhớ thương... Việc dẫn nhưng câu thơ hết sức trữ tình của nhà thơ quê hương sông Đà, Nguyễn Tuân thể hiện tình cảm gắn bó, yêu mến tha thiết dòng sông hùng vĩ mà cũng hết sức thơ mộng của mảnh đất Tây Bắc này.

3. Tổng kết nội dung + nghệ thuật (phần trữ tình): Những đoạn văn miêu tả hình tượng sông Đà đã thể hiện được phong cách độc đáo, tài hoa, uyên bác của Nguyễn Tuân. Trước hết, điều làm nên phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân là cách tiếp cận, miêu tả thiên nhiên từ phương diện thẩm mỹ. Qua ngòi bút tài hoa của Nguyễn Tuân, sông Đà tựa như một tác phẩm mỹ thuật tuyệt vời mà tạo hóa ban tặng cho con người. Sông Đà, trong cảm quan nghệ sĩ của Nguyễn Tuân, là hiện thân của cái đẹp – đẹp trong sự độc đáo, trong sự hùng vĩ, dữ dội và đẹp trong sự thơ mộng, trữ tình. Đó chính là “chất vàng” của thiên nhiên mà Nguyễn Tuân đã tìm kiếm bấy lâu. Qua hình tượng sông Đà, nhà văn kín đáo thể hiện tình cảm yêu mến tha thiết và mê say đối với vẻ đẹp của thiên nhiên Tây Bắc, cũng như vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước.

Việc xây dựng hình tượng sông Đà cũng cho thấy được tài năng sử dụng ngôn ngữ bậc thầy của Nguyễn Tuân: Nhà văn vận dụng vốn tri thức hết sức phong phú, giàu có từ rất nhiều lĩnh vực như văn chương, địa lý, điện ảnh, quân sự, võ thuật, thể thao,... để miêu tả Sông Đà. Ngôn ngữ không chỉ giàu có mà còn rất sinh động, giàu hình ảnh, giàu nhạc điệu. Nhà văn dùng nhiều hình ảnh so sánh, nhân hóa thể hiện sức liên tưởng, tưởng tượng rất phong phú, độc đáo của mình để miêu tả sự hùng vĩ và thơ mộng của con sông. Câu văn “co duỗi nhịp nhàng”, lúc ngắn gọn, gân guốc, khi trải dài thật êm ả, nhẹ nhàng.

Kết bài

Tóm lại, với Nguyễn Tuân, sông Đà mang một vẻ đẹp hoàn mỹ, trở thành một sinh thể sống động, có hồn. Dòng sông vừa hùng vĩ dữ dội, vừa thơ mộng trữ tình. Phải là một con người yêu mến tự hào trước vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước, nhà văn mới có thể miêu tả được Sông Đà như thế. Có thể nói, qua lời văn ca ngợi sông nước Đà giang, ta thấy được sự gắn bó của Nguyễn Tuân đối với quê hương đất nước. Sông Đà đúng là thứ Vàng mười của thiên nhiên Tây Bắc mà nhà văn luôn khao khát kiếm tìm và thể hiện trong các sáng tác của mình.

Phần phụ thêm vô Họa hay KB cũng được!

Tác phẩm là một áng văn đẹp được dệt từ tình yêu đất nước thiết tha của một con người muốn dùng văn chương để ca ngợi vẻ đẹp vừa hùng vĩ, vừa trữ tình, thơ mộng của thiên nhiên, nhất là vẻ đẹp dũng cảm, tài hoa của người lao động.... Nhưng có lẽ con đường đến với cái Đẹp của Nguyễn Tuân phản ánh đúng quy luật của những tài năng nghệ thuật chân chính - sáng tạo ra cái Đẹp không phải như một phương tiện mà là như một mục đích. Qua đôi mắt người lái đò, hay là đôi mắt của tác giả sông Đà tạo nên những dòng cảm xúc thật lạ kì, thần tiên và mộng mơ quá đỗi. Có lẽ khi yêu mảnh đất này, cảm nhận nó ở mọi khía cạnh đều toát lên vẻ đẹp không phải nơi nào cũng có được. Và sông Đà cũng vậy, một vẻ đẹp khiến người đọc phải ngỡ ngàng.

Đề: Cảm nhận hình tượng người lái đò

I. Mở bài

Đánh giá về Nguyễn Tuân, nhà văn Nguyễn Minh Châu thật có lí khi cho rằng: “Nguyễn Tuân là một định nghĩa về người nghệ sĩ”. Quả vậy, là người nghệ sĩ chân chính, Nguyễn Tuân luôn tìm mọi cách để kiếm tìm và phát hiện cái mới lạ, độc đáo “xưa nay chưa từng có” trong hành trình sáng tạo. Tùý bút *Người lái đò Sông Đà* là kết quả của hành trình bền bỉ và sáng tạo về vẻ đẹp kì diệu của thiên nhiên và con người Tây Bắc. Bằng sự tài hoa, uyên bác, Nguyễn Tuân đã khắc hoạ một dấu ấn không thể mờ phai về con sông miền Tây Bắc vừa hung bạo vừa trữ tình. Và nổi lên trên dòng sông dữ là hình tượng ông lái đò sông Đà, một người lao động miền sông nước với “tay lái ra hoa”, “một thứ vàng mười đã qua thử lửa” đầy quý giá của miền đất này.

II. Thân bài

1. Tổng

Tác phẩm “Người lái đò sông Đà” được in trong tập tùy bút “Sông Đà”, được tác giả sáng tác trong chuyến đi thực tế lên Tây Bắc vào năm 1958, không chỉ để thỏa mãn cái thú tìm đến những miền đất lạ thể thỏa niềm khát khao “xê dịch”, mà chủ yếu để tìm kiếm chất vàng trong vẻ đẹp hùng vĩ và thơ mộng của thiên nhiên Tây Bắc cùng “thứ vàng mười đã qua thử lửa” ở tâm hồn của những con người lao động và chiến đấu trên miền sông núi Tây Bắc. Tập “Sông Đà” và tùy bút “Người lái đò sông Đà” tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân: tài hoa, uyên bác, với cái nhìn sắc sảo, luôn phát hiện ra những điều mới lạ của sự vật và con người. Tập tùy bút cho người đọc thấy một nhà văn Nguyễn Tuân mới mẻ, gắn bó chan hòa với cuộc đời mới, hòa nhập vào cuộc sống lớn của nhân dân và đất nước, khác hẳn một Nguyễn Tuân rất “ngông” trước cách mạng.

2. Phân

a. Vẻ đẹp ngoại hình của hình tượng người lái đò sông Đà

Ông lái đò hiện lên trong những trang văn của Nguyễn Tuân đầy ấn tượng với những nét về ngoại hình để giúp người đọc hình dung đây đúng là một con người đã từng gắn bó nhiều năm trên sông nước. Ông gần 70 tuổi, đầu đã bạc nhưng vẫn rất khỏe khoắn với thân hình “cao to, gọn quánh như chất sừng chất mun”, cánh tay rắn chắc trẻ tráng: “Tay ông lêu nghêu như cái sào, chân ông lúc nào cũng khuỳnh khuỳnh gò lại như kẹp lấy một cuống lái tưởng tượng.”, “cặp mắt tinh anh”, giọng “ào ào như tiếng nước trườn mặt ghềnh sóng”. Trên ngực, trên bả vai của ông bầm lên một khoanh “củ nâu” – là dấu vết nghề nghiệp của đầu con sào gọi lại đời đời cho người lái đò sông Đà mà Nguyễn Tuân ngưỡng mộ gọi là “thứ Huân chương lao động siêu hạng” dành tặng cho người lái đò. Có thể nói, chính vẻ đẹp của người lái đò trong hành trình mưu sinh đã tạo nên một cảm hứng đặc biệt cho Nguyễn Tuân: “trò chuyện với người lái đò càng làm lai láng thêm cái lòng muốn đề thơ vào sông Đà” – nhà văn bộc bạch.

b. Trước hết, ông hiện lên là người lao động trí dũng dày dạn kinh nghiệm, tinh thạo nghề trên sông nước

Sau hơn mười năm chèo đò, ngược xuôi sông Đà hơn một trăm lần, cầm lái chính độ sáu chục lần cho những chuyến thuyền đuôi én sáu chèo, chở da trâu, xương hổ, chè mạn, chè cối, cánh kiến về xuôi, ông hiểu biết tường tận về dòng sông trái tính trái nết này. Ông nắm vững từng con thác, cái ghềnh, hiểu biết tường tận từng luồng nước sông Đà: “Sông Đà, đối với ông lái đò ấy, như một trường thiên anh hùng ca mà ông đã thuộc đến những cái chấm than chấm câu và những đoạn xuống dòng.”

Để làm nổi bật vẻ đẹp trí dũng, tài hoa của người lái đò, nhà văn đã sáng tạo một đoạn văn đầy không khí trận mạc, đã liên tưởng đến một trận “thủy chiến” ác liệt giữa người lái đò với thác

đá, vói sóng nước hung dữ trên sông Đà qua ba trùng vi thạch trận. Lúc đầu, đó là một “cuộc chiến” dường như không cân sức bởi một bên là thiên nhiên hùng vĩ, dữ dội với trùng trùng lớp lớp đá, gió, sóng nước dàn trận bủa vây, gây hấn với con người; còn bên kia chỉ là con người bé nhỏ trên con thuyền mong manh mà vũ khí trên tay chỉ là chiếc cán chèo. Nhưng bằng tất cả sự dũng cảm, thông minh, tài hoa, người lái đò đã vượt qua các trùng vây đá và nước trên quãng sông Đà này.

Ở vòng thứ nhất, sông Đà dàn ra năm cửa đá thì có đến bốn cửa tử, cửa sinh nằm lập lờ phía tả ngạn sông. Phối hợp với đá, bọn sóng nước hùng beo trên sông Đà tiếp tục xông vào đánh giáp lá cà với ông đò: “Sóng nước như thể quân liều mạng vào sát nách mà đá trái mà thúc gối vào bụng vào hông thuyền. Có lúc chúng đội cả thuyền lên”. Chúng còn “bám lấy thuyền như đô vậ túm thắt lưng ông đò đòi lật ngửa mình ra giữa trận nước...”. Trước tình thế đầy hiểm nguy đó, ông đò thật bình tĩnh: “Ông đò hai tay giữ mái chèo khỏi bị hất lên khỏi sóng trận địa phóng thẳng vào mình”. Trước sức mạnh của con sông Đà, ông đò đã bị thương, “mặt méo bệch đi” nhưng ông vẫn cố nén vết thương, “hai chân vẫn kẹp chặt lấy cuống lái”, sáng suốt, tỉnh táo chỉ huy các bạn chèo lướt đúng vào luồng sinh. Vậy là phá xong các thạch trận lần thứ nhất. Có thể thấy, đây là đoạn văn được miêu tả dài nhất trong ba trùng vi thạch trận, song người đọc không hề thấy sự do dự hay chần chừ của ông lái đò. Trái lại, chúng ta thấy nơi ông sự quyết đoán, dứt khoát trên dòng sông dữ. Điều đó cho thấy một bản lĩnh nhà nghề nơi ông.

Ở trùng vi thạch trận thứ hai, con sông thay đổi sơ đồ phục kích và cả chiến thuật: “tăng thêm nhiều cửa tử”, cửa sinh bố trí lệch sang bờ hữu ngạn. Trước sự ranh ma, xảo quyệt của con sông Đà, ông lái đò vừa bình tĩnh, dũng cảm, vừa thể hiện sự thông minh, mưu trí của một người lái đò dày dặn kinh nghiệm, tinh thông trận mạc sông Đà. Ông “nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá”, “thuộc quy luật phục kích của lũ đá nơi ải nước hiểm trở này”, thuộc luồng sinh luồng tử nên ông không hề lùi bước mà chủ động vượt lên những luồng sóng dữ, “cưỡi lên sóng thác sông Đà” như người cưỡi hổ. Khi thấy dòng thác hùng beo đang lao mạnh về phía mình, ông “nắm chặt lấy được cái bờm sóng đúng luồng” rồi “ghì cương lái, bám chắc lấy luồng nước đúng mà phóng nhanh vào cửa sinh”. Lúc này, ông đò tựa như một kỹ sĩ tài ba đang cố thuần phục một con tuấn mã, bất kham. Vẫn chưa chịu thua ông lái đò, bọn thủy quân ải nước xô ra định níu lấy thuyền lôi vào cửa tử. Vì đã nắm chắc từng luồng nước nên “đứa thì ông tránh mà rảo bơi chèo lên, đứa thì ông đè sấn lên mà chặt đôi ra để mở đường tiến”. Cuối cùng, “những luồng tử đã bỏ lại hết sau thuyền. Chỉ còn vẳng reo tiếng hò của sóng thác luồng sinh”. Quyết định táo bạo dứt khoát của ông lái đò khiến tên đá tướng không kịp trở tay đành nhìn con thuyền lướt qua mà “tiu nghỉu cái mặt xanh lè thất vọng”. Trong đoạn văn này, nhà văn dùng hàng loạt những động từ mạnh – một thứ ngôn ngữ “nóng rẫy sự sống” – như: “phóng nhanh”, “lái miết”, “đè sấn”, “chặt đôi”,... kết hợp với những câu văn ngắt nhịp ngắn, mạnh mẽ, dồn dập, nhằm diễn tả những hành động nhanh nhẹn, dứt khoát, đầy kinh nghiệm của ông lái đò.

c. Không chỉ giàu kinh nghiệm dũng cảm, mưu trí như một người anh hùng trên sông nước, ông còn là một người nghệ sĩ tài hoa trong nghệ thuật vượt thác ghềnh

Ở trùng vi thạch trận thứ ba, con sông lại thay đổi chiến thuật khi bố trí “bên phải bên trái đều là luồng chết cả”, chỉ có một luồng sống lại “ở ngay giữa bọn đá hậu vệ của con thác”. Ông lái đò vẫn thể hiện được bản lĩnh vững vàng, cứ “phóng thẳng thuyền, chọc thủng cửa giữa đó. Thuyền vút qua cổng đá cánh mở cánh khép”, “thuyền như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa tự động lái được lượn được. Thế là hết thác”. Ở thạch trận này, ông đò hiện lên như một nghệ sĩ tài hoa đang làm xiếc trên sông nước. Con đò và con người đã hòa làm một. Hàng loạt những động từ như “phóng thẳng”, “chọc thủng”, “xuyên”, “lái”, “lượn” và những vế câu ngắt nhịp ngắn, mạnh mẽ diễn tả những hành động hết sức thuần thục, khéo léo, dứt khoát, điều luyện trong

công việc lái đò của ông đò, xứng đáng là “tay lái ra hoa” như lời ca ngợi của Nguyễn Tuân. Ông đã nâng tầm công việc lái đò bình dị trở thành cả một nghệ thuật băng ghenh vượt thác.

d. Về đẹp của ông lái đò còn hiện lên ở sự khiêm nhường, bình dị, ở phong thái ung dung mang cốt cách nghệ sĩ.

Nếu như trước thiên nhiên hùng vĩ, ông lái đò hiện lên như một người anh hùng hết sức bình tĩnh, dũng cảm, tài trí thì sau khi vượt thác gian nan, nguy hiểm, ông đò lại trở về cuộc sống đời thường với phong thái thật bình dị, khiêm nhường, thật ung dung, thư thái rất nghệ sĩ: “Đêm ấy nhà đò đốt lửa trong hang đá, nướng ông cơm lam, bàn tán về cá anh vũ,...”. Những người nghệ sĩ chân chính, sau khi vắt kiệt sức mình để thai nghén nên tác phẩm không mấy ai tự dấn dương về công sức của mình. Ông lái đò cũng vậy, lúc này, “sóng thác xèo xèo tan trong trí nhớ”, “chả thấy ai bàn thêm lời nào về chiến thắng vừa qua...”. Dường như những hiểm nguy trên sông cũng chính là một phần trong cuộc sống bình dị đời thường của người lái đò, bởi vì “cuộc sống của họ là ngày nào cũng chiến đấu với sông Đà dữ dội, ngày nào cũng giành lấy cái sống từ tay những cái thác” nên chiến thắng vừa qua không có gì làm cho họ hồi hộp, đáng nhớ cả. Như vậy, ở người lái đò, dường như cái phi thường đã trở thành cái bình thường và phẩm chất anh hùng đã hòa quyện trong phong thái nghệ sĩ. Đó cũng là cái nhìn độc đáo của Nguyễn Tuân về người lao động trong cuộc sống hôm nay.

3. Hợp

a. Nội dung

Trong bài tùy bút, Nguyễn Tuân tự nhận mình là người đang đi tìm vàng quanh sông Đà, không chỉ đi tìm cái thú vàng của màu sắc sông núi Tây Bắc mà còn tìm cái thú “vàng mười” nơi những con người ngày nay đang nhiệt tình gắn bó với công cuộc dựng xây Tây Bắc. Trong những con người ấy, có thể kể đến ông đò Lai Châu, làm nghề chèo đò dọc trên sông Đà suốt 10 năm liền. Nguyễn Tuân không gọi tên cụ thể của nhân vật mà chỉ gọi là “ông đò”, “người lái đò”, vì ông chỉ người lao động bình thường, thầm lặng trong công cuộc mưu sinh như biết bao con người lao động khác nơi Tây Bắc.

Sông Đà, đối với những người lái đò, không phải lúc nào cũng là “thơ đời Đường” nhàn hạ. Nhiều lúc ông nhìn thấy nó mang “diện mạo và tâm địa một thứ kẻ thù số một” của con người; thấy nó là con sông “hằng năm và đời đời kiếp kiếp làm mình làm mẩy với con người Tây Bắc và phản ứng giận dỗi vô tội vạ với người lái đò sông Đà”. Nhưng những con người bình thường ấy nhờ lao động, nhờ cuộc đấu tranh chinh phục thiên nhiên mà trở nên thật đẹp, thật dũng cảm, tài hoa như một nghệ sĩ trên sông nước.

Nhân vật ông lái đò là người lao động trí dũng tuyệt vời và là người nghệ sĩ tài hoa trong nghệ thuật vượt thác ghenh, biến công việc chèo đò nguy hiểm, nặng nhọc thành một “nghệ thuật” chèo đò cao cường trên sông nước. Chính cái dữ dội, hung bạo của thiên nhiên, của sóng thác sông Đà đã tôn lên vẻ đẹp trí dũng, tài hoa của con người.

b. Nghệ thuật

Việc xây dựng hình tượng ông lái đò sông Đà cũng cho thấy được tài năng sử dụng ngôn ngữ bậc thầy của Nguyễn Tuân. Nhà văn đã tạo nên tình huống đầy thử thách để nhân vật bộc lộ rõ phẩm chất của mình. Để tô đậm nét tài hoa nghệ sĩ của ông lái đò, tác giả đã sử dụng một ngôn ngữ miêu tả đầy cá tính, giàu chất tạo hình, hoàn toàn phù hợp với đối tượng. Tác giả cũng đã sử dụng nhiều phép liên tưởng, so sánh độc đáo, thú vị. Hàng loạt từ ngữ sinh động, phong phú, có sức gợi cảm được sử dụng hiệu quả. Câu văn đa dạng, giàu nhịp điệu đã góp phần khắc họa thành công hình tượng ông lái đò. Qua đó, người đọc nhận thấy được phong cách hành văn tài hoa, uyên bác và rất mực độc đáo của Nguyễn Tuân.

III. Kết bài

Tóm lại, qua việc xây dựng hình ảnh ông lái đò, tác giả đã ca ngợi những con người lao động trong cuộc sống mới. Đó là người lao động bình thường, giản dị mà cũng thật dũng cảm, tài hoa trong công cuộc chinh phục thiên nhiên và xây dựng cuộc sống mới trên quê hương Tây Bắc. Đó chính là chất vàng mười đã qua thử lửa của người lao động Tây Bắc nói riêng và người lao động Việt Nam nói chung trong thời kỳ mới.

THẦY KHÔI DẠY VĂN

"Hùng vĩ của Sông Đà không phải chỉ có thác đá. Mà nó còn là những cảnh đá bờ sông, dựng vách thành, mặt sông chỗ ấy chỉ lúc đúng ngọ mới có mặt trời. Có vách đá thành chẹt lòng Sông Đà như một cái yết hầu. Đứng bên này bờ nhẹ tay ném hòn đá qua bên kia vách. Có quãng con nai con hổ đã có lần vọt từ bờ này qua bờ kia. Ngồi trong khoang đò qua quãng ấy, đang mùa hè mà cũng thấy lạnh, cảm thấy mình như đứng ở hè một cái ngõ mà ngóng vọng lên một khung cửa sổ nào trên cái tầng nhà thứ mấy nào vừa tắt phụt đèn điện."

Lại như quãng mặt ghềnh Hát Loóng, dài hàng cây số nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm như lúc nào cũng đòi nợ xuýt bất cứ người lái đò Sông Đà nào tóm được qua đấy. Quãng này mà khinh suất tay lái thì cũng dễ lật ngửa bụng thuyền ra.

Lại như quãng Tà Mường Vát phía dưới Sơn La. Trên sông bỗng có những cái hút nước giống như cái giếng bê tông thả xuống sông để chuẩn bị làm móng cầu. Nước ở đây thở và kêu như cửa cống cái bị sặc. Trên mặt cái hút xoáy tít đáy, cũng đang quay lừ lừ những cánh quạt đàn. Không thuyền nào dám men gần những cái hút nước ấy, thuyền nào qua cũng chèo nhanh để lướt quãng sông, y như là ô tô sang số nhấn ga cho nhanh để vút qua một quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực. Chèo nhanh và tay lái cho vững mà phóng qua cái giếng sâu, những cái giếng sâu nước ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào. Nhiều bè gỗ rừng đi nghênh ngang vô ý là những cái giếng hút ấy nó lôi tuột xuống. Có những thuyền đã bị cái hút nó hút xuống, thuyền trồng ngay cây chuối ngược rồi vụt biến đi, bị dìm và đi ngầm dưới lòng sông đến mươi phút sau mới thấy tan xác ở khuỷnh sông dưới. Tôi sợ hãi mà nghĩ đến một anh bạn quay phim táo tợn nào muốn truyền cảm giác lạ cho khán giả, đã dũng cảm dám ngồi vào một cái thuyền thúng tròn vành rồi cho cả thuyền cả mình cả máy quay xuống đáy cái hút Sông Đà – từ đáy cái hút nhìn ngược lên vách thành hút mặt sông chênh nhau tới một cột nước cao đến vài sải. Thế rồi thu ngược contre-plongée lên một cái mặt giếng mà thành giếng xây toàn bằng nước sông xanh ve một áng thủy tinh khối đúc dày, khối pha lê xanh như sắp vỡ tan ụp vào cả máy cả người quay phim cả người đang xem. Cái phim ảnh thu được trong lòng giếng xoáy tít đáy, truyền cảm lại cho người xem phim kí sự thấy mình đang lấy gân ngồi giữ chặt ghế như ghi lấy mép một chiếc lá rừng bị vút vào một cái cốc pha lê nước không lồ vừa rút lên cái gậy đánh phèn."

(Trích Người lái đò Sông Đà – Nguyễn Tuân, Ngữ văn 12, Tập một, NXB Giáo dục, 2014, tr. 186-188)

Cảm nhận của anh/chị về con Sông Đà hung bạo ở miền Tây Bắc của Tổ quốc trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét cách nhìn mang tính phát hiện về dòng sông Đà của Nguyễn Tuân.

Chẳng biết từ khi nào, những dòng sông đã trở thành sợi thương, sợi nhớ, nhân lên thành tình yêu trong trái tim của những người nghệ sĩ. Để rồi, tình yêu ấy gợi tình, gợi nhạc cho những câu hát; là dòng sữa ngọt ngào nuôi dưỡng những vần thơ; là làn gió ấm thổi vào từng áng văn chương. Và Nguyễn Tuân - người nghệ sĩ chân chính "suốt đời đi tìm cái đẹp" một cách nghiêm túc và khó tính cũng bị "đắm say" trước vẻ đẹp của dòng Đà giang, để rồi không kìm lòng mà viết nên tùy bút "Người lái đò sông Đà". Viết về một dòng sông, nhưng trong áng văn của Nguyễn Tuân, đó là dòng sông có linh hồn và nhiều nét tính cách đối ngược nhau. Bước vào tác phẩm, trước tiên ta sẽ thấy một dòng sông Đà hung bạo chẳng kém gì con người, được thể hiện rõ nét qua đoạn trích "Hùng vĩ của Sông Đà không phải chỉ có thác đá...một cái cốc pha lê nước không lồ vừa rút lên cái gậy đánh phèn."

Tác phẩm "Người lái đò sông Đà" được in trong tập tùy bút "Sông Đà", được tác giả sáng tác trong chuyến đi thực tế lên Tây Bắc vào năm 1958, không chỉ để thỏa mãn cái thú tìm đến những miền đất lạ thể thỏa niềm khát khao "xê dịch", mà chủ yếu để tìm kiếm chất vàng trong vẻ đẹp hùng vĩ và thơ mộng của thiên nhiên Tây Bắc cùng "thứ vàng mười đã qua thử lửa" ở tâm hồn của những con người lao động và chiến đấu trên miền sông núi Tây Bắc. Tập "Sông Đà" và tùy bút "Người lái đò sông Đà" tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân: tài hoa, uyên bác, với cái nhìn sắc sảo, luôn phát hiện ra những điều mới lạ của sự vật và con người. Tập tùy bút cho người đọc thấy một nhà văn Nguyễn Tuân mới mẻ, gần bó chan hòa với cuộc đời mới, hòa nhập vào cuộc sống lớn của nhân dân và đất nước.

Sông Đà là dòng sông trái tính trái nết, "chốc dịu dàng đấy, rồi chốc lại bản tính và gắt gỏng, thác lũ ngay đấy" hết sức dữ dội, hung bạo. Về vẻ hung bạo của con sông thì từ xa xưa, cha ông đã diễn tả bằng hình ảnh của Sơn Tinh, Thủy Tinh qua câu đồng dao: "Núi cao sông hãy còn dài/ Năm năm báo oán đời đời đánh ghen". Nguyễn Tuân không dùng lối huyền thoại để nói về sông Đà mà dựng lên một bức tranh chân thật về những cảnh tượng hết sức hùng vĩ và dữ dội của con sông Đà để người đọc cảm nhận được đó chính là con sông "hàng năm và đời đời kiếp kiếp làm mình làm mẩy với

con người Tây Bắc và phản ứng giận dữ vô tội vạ với người lái đò Sông Đà”. Ông đã tung ra biết bao chữ nghĩa đắt giá, biết bao thủ pháp có sức diễn tả mãnh liệt để quyết một phen thi tài với tạo hóa.

Sự trái tính, bất kham của dòng sông trước hết được thể hiện qua dòng chảy khác thường của nó: “Chúng thủy giai đông tẩu/ Đà giang độc bắc lưu” – mọi con sông đều chảy về phía đông, một mình sông Đà chảy theo hướng Bắc. Câu thơ của một nhà thơ xưa đã được Nguyễn Tuân dùng làm lời đề từ cho tác phẩm đã thu tóm được cái đặc điểm, tính cách của sông Đà. Sông Đà rất có cá tính như một con ngựa bất kham, bướng bỉnh ngay từ dòng chảy. Dường như nó không chịu tuân chảy theo quy luật của mọi dòng sông mà tự tìm cho mình một dòng chảy riêng để thỏa sức vẫy vùng.

Thoạt tiên, với con mắt của một nhà điêu khắc, Nguyễn Tuân đã có những liên tưởng đầy mới lạ và bất ngờ: “cảnh đá bờ sông, dựng vách thành”. Bằng cách sử dụng từ “thành” – một danh từ chỉ một khối kiến trúc quân sự “thành cao hào sâu” thời cổ đại, Nguyễn Tuân đã làm bật lên sự vững chãi, đồ sộ, thâm nghiêm, bí ẩn của vách đá hai bên bờ sông. Ngoài ra, cách so sánh “có vách đá thành chẹt lòng sông Đà như một cái yết hầu” tạo được ấn tượng về sự nhỏ hẹp của lòng sông Đà. Vì vách đá thành chẹt lòng sông Đà như một cái yết hầu nên dòng chảy của con sông bị thu lại rất hẹp: hẹp đến mức “đứng bên này bờ nhẹ tay ném hòn đá qua bên kia vách”, hẹp đến mức “có quãng con nai con hổ đã có lần vọt từ bờ này sang bờ kia”. Vì lòng sông hẹp, lại bị chẹt với những vách đá cao, dựng đứng nên mặt sông thật tăm tối, âm u: “mặt sông chỗ ấy chỉ lúc đúng ngọ mới có mặt trời”. Mượn hình ảnh mặt trời, nhà văn diễn tả độ cao hun hút, độ sâu thăm thẳm đến mức không có tin nắng nào có thể xiên ngang, xiên chéo qua vách đá sừng sững ấy mà lọt xuống lòng sông. Độ hẹp của lòng sông như được đẩy lên đến mức tuyệt đối.

Theo mạch ngầm liên tưởng đó, nhà văn tiếp tục tấn công vào giác quan của người đọc với phép biến hóa khôn lường, dùng thị giác, xúc giác để cảm nhận về cái thâm u của sông Đà, heo hút đến rợn ngợp: “đang mùa hè mà cũng thấy lạnh, cảm thấy mình như đứng ở hè của một cái ngõ mà ngóng vọng lên một khung cửa sổ nào trên cái tầng nhà thứ mấy vào vừa tắt phụt đèn điện. Cách so sánh bất ngờ, đầy thú vị ấy truyền cho người đọc hình dung về độ cao của những vách đá và cái tăm tối, lạnh lẽo đột ngột khi con thuyền đi từ ngoài vào khúc sông có đá hun hút dựng vách thành. Nguyễn Tuân không trực tiếp nói ra nhưng ai cũng hiểu rằng, ở những chỗ “đã chẹt lòng sông Đà như cái yết hầu”, lưu tốc của dòng sông rất mạnh, chảy xiết, nhất là vào mùa nước lũ. Đi vào những khúc sông như thế, có biết bao hiểm nguy đang rình rập.

Con sông cũng rất hung bạo ở quãng mặt ghềnh Hát Lóong dài hàng cây số, với cảnh “nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm”. Ở đây, một phần câu văn như bị chặt đứt ra thành nhiều khúc ngắn gọn, kết hợp với hình thức điệp từ, điệp cấu trúc và tăng tiến tạo nhịp điệu khẩn trương, dồn dập, gấp gáp đã tạo nên một bản hợp xướng hùng vĩ đang âm ập đổ sập lao tới. Câu chữ của Nguyễn Tuân dường như cũng cô duỗi nhau trong cái âm hưởng cuộc trải của mạch chảy sông Đà. Con sông Đà ở quãng này, qua cách so sánh, nhân hóa của Nguyễn Tuân, hiện lên thật dữ dằn, hung hãn tựa như một kẻ chuyên đi đòi nợ, lúc nào cũng muốn uy hiếp, muốn tóm lấy bất cứ người lái đò nào đi qua.

Và đây nữa, ấn tượng về nỗi sợ hãi và chết chóc được khắc họa rất rõ qua hình ảnh những cái hút nước nằm rải rác trên sông ở quãng Tà Mường Vát phía dưới Sơn La: “Có những cái hút nước giống như cái giếng bê tông thả xuống sông để chuẩn bị làm móng cầu”, “Nước ở đây thở và kêu như cửa cống cái bị sặc”, “những cái giếng sâu nước ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào”. Với những hình ảnh so sánh và nhân hóa, nhà văn miêu tả những cái hút nước sâu, xoáy mạnh như những cái bẫy nguy hiểm, chết người. Với cách sử dụng từ láy tượng thanh “ặc ặc”, nhà văn đã khiến bạn đọc như được nghe thấy âm thanh quái lạ của cái hút nước này, tựa như một con thủy quái khổng lồ đang chực chờ nuốt chửng những con người lao động nhỏ bé vì miếng cơm manh áo mà phải đi qua nó.

Để khắc sâu ấn tượng về sức mạnh khủng khiếp của những cái hút nước, Nguyễn Tuân đã liên tưởng đến cảnh tượng “Có những thuyền đã bị cái hút nó hút xuống, thuyền trồng ngay cả chuối ngược rồi vụt biến đi, bị dìm và đi ngầm dưới lòng sông đến mươi phút, sau mới thấy tan xác ở khuỷnh sông dưới”. Quả thật, cái hung bạo của sông Đà không chỉ ở trên mặt nước, mà ngay cả dòng chảy ngầm của nó cũng hết sức dữ dội. Song, thay vì nói về nỗi sợ hãi, Nguyễn Tuân, với lòng say mê cái đẹp và cảm giác mạnh, luôn khao khát truyền đạt những cảm giác, cảm xúc mới lạ đến cho độc giả, đã thay áo mới cho những rùng rợn bằng những liên tưởng độc đáo. Ông đã sử dụng kỹ thuật đặc tả của điện ảnh khi tưởng tượng một anh bạn quay phim táo tợn, dũng cảm ngồi vào thuyền thúng quay tít, những thước phim màu cũng quay tít, những thước phim màu cũng quay tít và cảm giác như cái giếng sâu bằng nước sông xanh ve ấy xõ tan ụp

cả vào máy, vào người quay phim. Cái thước phim màu quay tít ấy đã gây cảm giác sợ hãi đặc biệt cho người đọc, tựa như lúc chúng ta ghì chặt mép ghế khi phải đối diện những cảnh quay hãi hùng trên màn chiếu. Chính ngôn từ, trang văn Nguyễn Tuân đã gây áp lực lên nhận thức của bạn đọc, buộc người đọc phải tự mình chiêm nghiệm những cảm giác lạ lẫm như vậy.

Giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh đánh giá về sự thành công của Sông Đà trong sự nghiệp cầm bút của Nguyễn Tuân rằng: “Nguyễn Tuân đã tạo ra một sông Đà không phải là vô tri, vô giác, mà là một sinh thể có hoạt động, có tính cách, có tâm trạng hằn hoi và khá phức tạp”. Để làm được điều đó, Nguyễn Tuân đã ngắm nhìn, say đắm để rồi phát hiện ra tính chất độc đáo của sông Đà khi mang trong mình hai nét tính cách đối lập “hung bạo” và “trữ tình”. Ông đã dành nhiều công sức và tâm huyết, vận dụng tối đa các giác quan để miêu tả dòng Đà giang một cách chân thật và hoàn mỹ nhất. Nguyễn Tuân là người luôn hướng đến cái phi thường, dữ dội; của dốc cao, đèo hiểm, của cái tạo nên cảm giác mạnh. Đằng sau hình tượng con sông Đà lẫm lẫm nhiều ghềnh là một nhà văn ham cảm giác lạ và không ngần ngại làm mới mình. Điều này ít nhiều ảnh hưởng từ thú “thích xê dịch” của ông. Để thỏa mãn “thú vui ham cái mới lạ, Nguyễn Tuân không chịu nổi cái bình thường, nhạt nhẽo, bình dị mà phải đi tìm cái đẹp, cái mới lạ, cái phi thường hơn. Có lẽ chính vì vậy mà cách nhìn về dòng sông Đà của Nguyễn Tuân là một cái nhìn mang đậm tính phát hiện. Ông đã phát hiện ra “chất vàng” của thiên nhiên Tây Bắc và miêu tả nó như một sinh thể sống, để từ đó, Nguyễn Tuân tấu lên một khúc tráng ca về con sông dũng mãnh trên chốn thượng nguồn, đồng thời ngân nga những thanh âm dịu dàng, trong trẻo, êm ái chốn hạ lưu.

Bi-ê-lin-xki từng nói: “Nội dung và hình thức gắn bó như tâm hồn và thể xác”. Sự gắn bó này là kết quả sáng tạo chứa đựng tài năng và tâm huyết của nhà văn. Và những tác phẩm văn học có giá trị lớn thì càng chứng tỏ sự thống nhất cao độ giữa nội dung và hình thức. Với một nhà văn luôn hướng tới sự hoàn mỹ như Nguyễn Tuân, chắc chắn mỗi tác phẩm của ông đều phải luôn trọn vẹn trong nội dung và cả hình thức. Tuy bút “Người lái đò sông Đà” không ngoại lệ, bên cạnh nội dung hấp dẫn thì đó là đặc sắc về nghệ thuật. Trong những đoạn văn miêu tả cảnh dữ dội của ông Đà, nhà văn đã huy động vốn kiến thức hết sức phong phú, giàu có thuộc nhiều lĩnh vực: địa lý, điện ảnh, quân sự, võ thuật, thể thao như “thạch trận”, “đòn tia”, “đòn âm”, “hàng tiền vệ”, “boongke”, “pháo đài”... cùng hàng loạt hình ảnh so sánh, nhân hóa độc đáo, sáng tạo và rất nhiều động từ mạnh chỉ hành động của con người như “hất hàm”, “hò la”, “bẻ gãy”, “thúc gối”, “túm”, “lật ngửa”... Những yếu tố nghệ thuật ấy tạo nên một thức văn rất riêng, in đậm cá tính sáng tạo của Nguyễn Tuân. Đó là thứ văn “nóng rẫy sự sống”. Đó là thứ văn rất động, gây cảm giác mạnh, đập vào giác quan người đọc. Bằng thứ văn ấy, Nguyễn Tuân đã lay con sông vô tri vô thức dậy, truyền linh hồn, tưới sự sống, tạo nên hình thù, sắc diện, hành động, tính cách cho từng tảng đá, con sóng trên sông Đà khiến hình tượng con sông hiện lên hết sức sinh động, để lại dấu ấn trong lòng bạn đọc qua hình ảnh một kẻ thù số một trong cuộc đấu trí và đấu lực với con người. Hình tượng con sông Đà in đậm cá tính sáng tạo của nhà văn Nguyễn Tuân. Ngòi bút của ông đã hòa trộn giữa cảm xúc chủ quan của “cái tôi” tài hoa nghệ sĩ và vẻ đẹp khách quan của dòng sông để tái hiện lại một hình tượng Đà giang không phải là vô tri vô giác mà là một sinh thể, một “nhân vật” có hành động, có tính cách, và có một nội tâm phức tạp. Hình tượng sông Đà dưới ngòi bút tài hoa của “người nghệ sĩ” Nguyễn Tuân đã hiện lên với hai nét tính cách chính: hung bạo, dữ dội và thơ mộng, trữ tình. Lúc hung bạo, con sông Đà “mang một diện mạo và tâm địa của một thứ kẻ thù số một” của con người. Lúc trữ tình, dòng chảy ấy lại tràn đầy, sóng sánh chất thơ và thân thiết với con người như một “cố nhân”, xa thì nhớ nhung, lưu luyến.

Tóm lại, với Nguyễn Tuân, sông Đà mang một vẻ đẹp hoàn mỹ, trở thành một sinh thể sống động, có hồn. Dòng sông vừa hùng vĩ dữ dội, vừa thơ mộng trữ tình. Phải là một con người yêu mến tự hào trước vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước, nhà văn mới có thể miêu tả được Sông Đà như thế. Có thể nói, qua lời văn ca ngợi sông nước Đà giang, ta thấy được sự gắn bó của Nguyễn Tuân đối với quê hương đất nước. Sông Đà đúng là thứ Vàng mười của thiên nhiên Tây Bắc mà nhà văn luôn khao khát kiếm tìm và thể hiện trong các sáng tác của mình.

Đề: Bình giảng đoạn văn “Thuyền tôi trôi trên sông Đà...”

Nói đến sông Đà là nói đến một tác phẩm đặc sắc của Nguyễn Tuân, nhà văn nổi tiếng tài hoa uyên bác, với mười lăm bài tùy bút, là kết quả của chuyến đi thực tế Tây Bắc năm 1958 của ông, ghi nhận nhiều bức tranh chân thực và sinh động, với nhiều hình tượng nghệ thuật đầy lôi cuốn, thấm đẫm một cảm hứng bay bổng trong sáng.

Nổi bật lên trong các bài tùy bút đó là Người lái đò sông Đà, một bài văn tuy có nhiều đoạn nặng nề cung cấp tư liệu với nội dung khảo sát, nghiên cứu thực tế, nhưng nhìn chung, đây là một công trình nghệ thuật tài hoa uyên bác. Qua đó, tác phẩm thể hiện hình ảnh sông Đà cùng cảnh núi rừng Tây Bắc với những đường nét, dáng vẻ đầy gợi cảm và quyến rũ. Bằng một phong cách nghệ thuật độc đáo, Nguyễn Tuân đã khắc họa lại hình ảnh sông Đà, một dòng sông vừa hung bạo, hiểm ác, nhưng cũng rất mực thơ mộng, hiền hòa. Đặc biệt là dáng nét và thanh sắc êm dịu, mượt mà của dòng sông này được nhà văn thể hiện bằng một văn phong điều liệu giàu sức biểu hiện trong đoạn văn trích trên.

Như đã giới thiệu, trong thiên tùy bút Người lái đò sông Đà, cảm hứng của Nguyễn Tuân nảy sinh từ tính “hung bạo” và tính “trữ tình” của dòng sông miền Tây Bắc. Dưới ngòi bút điêu luyện, tài hoa của nhà văn, dòng sông này hiện lên như một nhân vật. Đó là nhân vật thiên nhiên đúng như nhiều người vẫn gọi. Gọi là nhân vật vì qua nét bút của Nguyễn Tuân, người đọc tưởng sông Đà là một con người thực thụ với mọi cảm xúc và tính khí phức tạp. Có lúc, “nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu, rừng tre nứa nổ lửa, đang phá tuôn rừng lửa, rừng lửa cùng gầm thét và đàn trâu da cháy bùng bùng.” Cũng có lúc “nó bày thạch trận trên sông. Đám tảng, đám hòn chia làm ba hàng chặn ngay trên sông đòi ăn chết cái thuyền...”

Tiếp đó, nhà văn thể hiện tính trữ tình của dòng sông này. Đoạn văn trích trên tập trung làm rõ vẻ thơ mộng đầy gợi cảm của sông Đà ở quãng trung lưu với một văn phong thừa sức “mê hoặc” lòng người. Đoạn văn đẹp như một bài thơ với ba khổ thơ rõ rệt với điệp khúc “Thuyền tôi trôi...”

Lúc này, nét dữ dội, hiểm ác và hung bạo của dòng sông Đà với bao ghềnh thác đã lắng đọng, chìm sâu vào nỗi nhớ. Đoạn văn mở đầu bằng hình ảnh lằng lằng mơ màng: “Thuyền tôi trôi trên sông Đà”. Câu văn như thể con thuyền trôi êm chẳng chút gì vướng víu với một dòng sông toàn là thanh bằng êm ả cộng với vần lưng tôi-trôi đậm đà hương vị thi ca. Chất thơ lan tỏa đâu chỉ riêng ở câu mở đầu này mà suốt cả đoạn văn. Ngay cái ý “lặng tờ” được nhà văn lặp đi lặp lại tiếp đó: “Cảnh ven sông ở đây lặng tờ. Hình như từ đời Lí, đời Trần, đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi” cũng là theo lối trung điệp, một kiểu diễn đạt rất đặc thù của thơ ca nhằm cực tả cái thần thái tĩnh lặng, yên ả của phong cảnh.

Nổi theo đó là cảnh hai bên bờ sông. Qua đôi mắt nhìn “xanh non” của nhà văn nhiều hình ảnh đặc biệt kì thú đã hiện lên: “Một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa, cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp. Một đàn hươu cúi đầu ngốn búp cỏ gianh đẫm sương đêm”, “con hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung...” Nhà văn đã khéo lựa chọn những hình ảnh tươi vui để thể hiện cảnh sắc của một cuộc sống mới đang bắt đầu nơi đây khi đó những đường nét dịu êm, sống động và đầy thi vị ấy đã khiến nhà văn vô cùng xúc động. Vì thế, ông phải miêu tả thêm: “Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa”. Lối so sánh đầy lạ lẫm, đã lấy một khái niệm trừu tượng nhiều hơn để giải thích một khái niệm trừu tượng ít hơn càng làm cho dòng cảm xúc suy tưởng và đặc biệt là liên tưởng thêm mê mông vô tận... Trong không khí êm đềm, huyền ảo tưởng như chỉ có ước muốn của nhà văn là có thực “Chao ôi, thấy thèm được giật mình vì một tiếng còi xúp-lê của một chuyến xe lửa đầu tiên đường sắt Phú Thọ - Yên Bái - Lai Châu”. Người du khách trên sông Đà ở đây là nhà văn đã đắm mình hòa nhập với thiên nhiên để tận hưởng cái đẹp của một cảnh sắc êm đềm huyền thoại. Chính vì thế, ông đã hiểu thấu và cảm nhận được rằng thiên nhiên cũng có tâm hồn nào khác chi con người. Bộc tình nhân của sông Đà đã hiểu được cả cái vênh tai, cái nhìn không chớp mắt và tưởng tượng ra được tiếng nói của con hươu: “Hỡi ông khách sông Đà, có phải ông cũng vừa nghe thấy một tiếng còi sương?”

Nhà văn như chìm đắm vào không khí chiêm bao giữa ban ngày trong một khoảnh khắc để rồi sau đó bất chợt “tĩnh mộng” vì âm thanh tạo ra bởi “đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi

Bài tham khảo

thoi. Tiếng cá đập nước sông đuổi mắt đàn hươu vọt biển”. Trong trường hợp này, nhà văn đã sử dụng bút pháp lấy động tả tĩnh một cách tài tình. Không khí sông Đà tĩnh lặng đến độ chỉ một tiếng cá quẫy thôi cũng đủ làm cho ta phải giật mình tỉnh giấc. Một điểm độc đáo nữa cần phải chú ý ở đây là dưới ngòi bút điêu luyện của nhà văn Nguyễn Tuân, cái tĩnh lặng không hoàn toàn đồng nghĩa với cái phẳng lặng, đơn điệu hay bất động mà luôn hàm chứa một sự biến hóa, một sự vận động đến không ngờ. Thử đọc lại đoạn văn từ đầu, chúng ta sẽ nhận ra ngay điều này. Lần theo “thuyền tôi trôi trên sông Đà”, điểm nhìn và cách nhìn của nhà văn cũng luôn luôn biến hóa. Đôi mắt xanh non của ông nhìn nhận mọi cảnh vật như đã hiện lên từ một thế giới huyền thoại xa xưa nào. Sau đó, những từ dùng độc đáo, đầy cá tính sáng tạo, nhà văn đã truyền lại sự hồn nhiên, bỡ ngỡ đó đến người đọc. Nhiều chỗ, ông vượt qua cả mọi lẽ luật thông thường của văn xuôi để đạt tới cách miêu tả cô đọng và hàm súc của thi ca. Cả về ý tưởng lẫn thanh điệu, có thể nói đoạn văn tả cảm xúc của Nguyễn Tuân trước vẻ đẹp của thiên nhiên sông Đà diễm lệ như một bài thơ.

Hơn ai hết, tác giả Người lái đò sông Đà là người có một tấm lòng sâu rộng với non sông đất nước. Từ nỗi xúc động dạt dào của mình, nhà văn đã tìm đến với bao mối liên tưởng lịch sử, khơi lên một chút hàm ân sâu sắc đối với người xưa. Nếu ở đầu đoạn văn, tác giả đã nhắc tới đời Lí, Trần, Lê, thì đến đây, cuối đoạn văn, ông lại lắng nghe nỗi niềm xúc động của Tản Đà để đồng cảm với người xưa: “Thuyền tôi trôi trên “dải sông Đà bọt nước lênh đênh” bao nhiêu cảnh, bấy nhiêu tình của một người tình nhân chưa quen biết (Tản Đà).. Nhắc đến thơ của Tản Đà, Nguyễn Tuân đâu chỉ thể hiện mối đồng cảm với người xưa mà ông còn nhằm đến nói liền mạch xưa nay lời ngợi ca về đẹp của sông Đà. Một điểm son không thể không nhắc tới ở đây là tuy có thiên hướng trước nay hay bộc lộ một cảm xúc thẩm đượm một thứ “mĩ học hoài cựu” như đã từng thấy ở Vang bóng một thời, nhưng ở đây, trước vẻ đẹp hoang sơ của sông Đà, Nguyễn Tuân vẫn có những suy nghĩ tích cực của người công dân hiện đại. Ông mong muốn cuộc sống mới mà nhân dân ta đã dốc toàn tâm toàn lực xây dựng sẽ chiếu sáng lên tới cả chốn sơn cùng thủy tận này. Trong một không khí huyền thoại đầy hư ảo của cảnh ven sông Đà chợt xuất hiện “một tiếng còi sương – tiếng còi xúp lê của một chuyến xe lửa đầu tiên đường sắt Phú Thọ - Yên Bái - Lai Châu”. Tiếng còi sương ấy đã ngân xa như một khát vọng lớn lao chan hòa, quyen chặt với cảm hứng lịch sử bên trên, tạo cho đoạn văn một vẻ đẹp vừa cổ kính vừa hiện đại.

Không những chỉ hòa nhập với thiên nhiên trong những dòng cuối của đoạn văn này, Nguyễn Tuân còn trải lòng mình ra với sông Đà. Ông hóa thân vào đôi bờ thơ mộng và hiền hòa ấy để lắng nghe và xúc cảm: “Dòng sông quăng này lững lờ như nhớ những hòn đá thác xa xôi để lại trên thượng nguồn Tây Bắc. Và con sông như lắng nghe những giọng nói êm êm của người xuôi, và con sông đang trôi những con đò mình nở chạy buồm vải nó khác hẳn những con đò đuôi én thắt mình dây cổ điển trên dòng trên”. Sáng lên trong từng dòng chữ ấy là một tình yêu thiết tha với cả tâm hồn và sự hiểu biết cặn kẽ của nhà văn đối với một miền đất, một góc trời của Tổ quốc yêu thương.

Tóm lại, đây là một trong số những đoạn văn hay nhất, tiêu biểu nhất của tạp tùy bút Sông Đà. Ngoài việc khắc họa một cách tài tình hình ảnh của sông Đà dịu dàng thơ mộng với những quãng sông đầy thi vị, gợi nhớ những câu Đường thi cổ kính, những tứ thơ trữ tình đậm thắm của Tản Đà, đoạn văn trích này thể hiện rõ những đặc sắc văn phong Nguyễn Tuân. Đó là sự uyên bác của một trí tuệ và tầm hiểu biết, sự giàu có của một tâm hồn và một trí tưởng tượng, một lòng yêu thiết tha đối với những giá trị vật chất và tinh thần của đất nước và đặc biệt là cái chất tài hoa nghệ sĩ, vẻ đẹp và sự phong phú của câu văn, của chữ nghĩa với tất cả sự cầu kì trong lời văn, giọng điệu. Tất cả những yếu tố đó đã làm nên một phong cách Nguyễn Tuân đặc sắc và độc đáo không thể nhầm lẫn.